

SỐ 1 — NĂM THỨ TAM — NHÂM-DÂ

1962

THI ĐƯỜNG
VIỆT NAM



LÌÊN-HOÀ

NGUYỄT SAN

LIÊN-HOA

NGUYỆT SAN

MỤC LỤC SỐ I NĂM THỨ 8

P. L. 2505 — RÀM THÁNG I NĂM NHÂM-DẦN (19-2-1962)

Liên-Hoa xác định thái độ của mình	<i>Liên Hoa</i>
Bức thư của T.T. Trí-Sự Trưởng G.H.T.G.T.Q	
Mùa xuân của chúng ta	<i>Tịnh-Như</i>
Luận Tân-duy-thúc	<i>Thích Mật - Nguyễn</i>
Nguyễn (<i>Thơ</i>)	<i>Thạch-Trung Giả</i>
Thành-Thật-Tôn ↗	<u><i>Thích Nguyễn-Hồng</i></u>
Hối-hận	<i>Thiện-Châu</i>
Năm cọp nói chuyện cọp (<i>chuyện ngẩn</i>)	<i>Sơn-Nữ</i>
Zen trong đời sống thực tế	<i>Thích Thiên-An</i>
Bước đi (<i>Thơ</i>)	<i>Huyền-Không</i>
Thưa Sư-cô	<i>Liên-Tâm</i>
Vườn Thiền (<i>Thơ</i>)	<i>Thi-Vũ</i>
Bạo lực	<i>Thích Tri-Chơn</i>
Gào thét	<i>Nguyễn - Thái</i>
Mười hai năm sau (<i>chuyện ngẩn</i>)	<i>Dương Tr. Giang</i>
Bức thư của Hòa-Thượng Thuyền-Tôn	
Tin tức	
Bìa do Họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày	



Nhơn dịp

đầu xuân

LIÊN HOA XÁC ĐỊNH THÁI ĐỘ CỦA MÌNH

LIÊN HOA

XUÂN lại về. Những ngày đông tàn rụi đã đi qua. Vạn vật đang thay chiếc áo mới. Lòng người cũng rạo-rực, mừng vui. Và Liên-Hoa, ngoài nỗi vui xuân mới, còn hân hoan thấy mình lớn thêm một tuổi. Chữ « lớn » thường đi theo với chữ « khôn » Liên-Hoa sung sướng thấy mình lớn, và hy vọng rằng nhờ lớn thêm mà sẽ khôn hơn. Nhưng khôn cũng có năm bảy thứ :

**« Thiên hạ đua nhau nói dại khôn,
Biết ai là dại, biết ai khôn »**

Có cái khôn « khéo », có cái khôn « ranh » có cái khôn « ngoan », có cái khôn « phúc hậu », có cái khôn « thành-tín ». Trong mấy thứ khôn này, Liên-Hoa chỉ mong được cái khôn sau cùng. Vâng, là một cơ quan ngôn luận của Phật-giáo, Liên-Hoa chỉ mong làm thế nào thực-hiện được sứ mệnh cao cả của mình là nói lên được tiếng nói chân-thật của người con Phật, tiếng nói của « Đạo Như-thật », phô biến được Chánh-tin, đạo đức và giáo-lý giáo-ngoại của đấng dã hy sinh tất cả để di tim « sự thật » và sống với « sự thật » ấy.

Liên-Hoa không phải là tiếng nói riêng của một địa phương hoặc của một nhóm hay một người nào, mà là tiếng nói chung của toàn thể Phật-tử. Liên-Hoa luôn luôn cố gắng nói lên tiếng nói của Chính-nghĩa, của Tứ-bí và của Bình-dẳng. Nếu có phải vì lý tưởng này mà làm mất lòng vài vị tai mắt, động chạm đến quyền lợi riêng tư của một vài cá-nhân,

và bị thiệt thòi cho mình trong nhiều phương diện, Liên-Hoa cũng sẽ không từ chối, như đã không từ chối. Nói một cách khác, Liên-Hoa cố gắng thực-hiện cái khôn « thành-tín » như minh đã quan niệm, dù có bị chê cười là dại chăng nữa.

Con đường di đến đích chắc còn dài gian nan, nhiều nguy hiểm, nhưng Liên-Hoa xin hứa sẽ không phản-bội sứ-mệnh của mình và làm hoen ố hai chữ Liên-Hoa. Dù gặp trở ngại, Liên-Hoa sẽ cố gắng vượt qua; bị dọa nạt đòn áp, Liên-Hoa sẽ giữ đúng đường, chứ không quay lại.

Thưa quý vị độc-giả thân kinh, Liên-Hoa đã nói lên thái độ của mình. Thái độ ấy chắc chắn cũng là thái độ của đa số Phật-tử chúng ta. Đồng-thanh tương-ứng, cho nên chúng tôi tin-tưởng rằng quý vị độc-giả sẽ tán-thành và ủng-hộ Liên-Ho trong nhiệm-vụ cao cả nói trên.

Thưa quý vị độc-giả, Đạo Phật chúng ta trong quá khứ đã gặp nhiều sự khó khăn trong sự truyền bá; nhưng trong hiện-tại và tương-lai, Đạo chúng ta lại càng phải nếm đủ đắng cay, gian khổ, nhất là ở những nơi xa xôi hẻo lánh, mà sự đòn áp khoác đủ mọi hình thức.

Chúng ta hãy nguyện xiết chặt tay nhau, chung lòng, chung sức phục-vụ chánh-pháp, bảo-vệ tín-ngưỡng tôn-giáo dân-tộc. Chánh-tín sẽ thắng, Tứ-bi và Bình-dâng sẽ thắng. Đồng bào sẽ ghi tạc thái-dộ quyết thắng, đạo tâm kiên-cố và cử chỉ hy-sinh của những Phật-tử trung thành với Đạo; các dân tộc trong đại gia - đình Phật-giáo từ Á sang Âu sẽ cảm mến và liên-kết chặt chẽ với chúng ta.

Đây là những cảm nghĩ thiết-tha và thái độ bất di bất dịch của Liên-Hoa, nhân ngày đầu năm Liên-hoa nói lên một lần nữa để quý bạn Độc - giả xa gần đều rõ. Xin quý vị Độc-giả hãy tin chắc rằng: dù ngoại cảnh có biến chuyển như thế nào, lòng người có xoay trở như thế nào, Liên-Hoa vẫn luôn luôn nêu cao và giữ vững hai chữ **Thành-tín**, hai điều kiện căn bản của mọi cơ quan ngôn luận chân chính,

**Bức thư của T.T. Trí-Sư-trưởng Giáo-hội Tăng-già
tòan quốc gửi các Phật-tử trong dịp năm mới**

Án-Quang, ngày 1 tháng giêng năm Nhâm-Dần

NAM-MÔ ĐƯƠNG-LAI DI-LẶC TÔN PHẬT

Nhơn dịp đầu xuân Nhâm-Dần, thay mặt Giáo-hội Tăng-già tòan quốc, tôi gửi lời thăm và tán dương tất cả những vị Phật-tử ở trong nước và ngoài nước, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, năm vừa qua đã tích-cục cộng tác Phật sự trong các cơ quan của Giáo-hội, công đức quý liệt vị tôi xin hồi hướng lên Tam-Bảo chứng tri.

Chúng tôi chân thành thông cảm: có những vị trong khi hoạt động Phật sự hao tốn rất nhiều tâm lực; thiệt hại nặng nề những quyền lợi thế-pháp; hoặc bị ngoại duyên cản trở đòn áp... nhưng nhờ đạo tâm dũng mãnh mà quý vị đã thắng tất cả những trở lực ấy, đem lại cho Phật-giáo nước nhà những thành quả khả quan, đó là một phần thưởng vô giá đối với người Phật-tử chơn chánh.

«... Đời ác trước tôi thè vào trước, còn một chúng sanh chưa thành Phật tôi quyết không hưởng cảnh Niết-bàn...» Lời thè nguyện cao rộng ấy của Tôn-giả A-Nan, là một tấm gương tinh tấn bất diệt cho muôn nghìn thế hệ. Vì thế công cuộc hoằng-dương chánh-pháp của Giáo-hội cũng như tinh thần tham gia Phật sự của các từng lớp Phật ^{đէi} ở các phương trời vẫn tiến và tiến mãi không ngừng, một khi thế giới chưa thật sự thanh bình, nỗi thống khổ còn mang nặng trên kiếp sống của chúng sanh.

Thành kính cầu chư Phật già hộ quý liệt vị gặp nhiều thuận duyên trên đường hành đạo trong năm mới.

*Trí-Sư Trưởng
Giáo-Hội Tăng-Già tòan quốc*
THÍCH THIỆN-HÒA

MÙA XUÂN CỦA CHÚNG TA

TỊNH NHƯ

KHÔNG phải làm một Heraclite hay một Khổng-tử đứng trên cầu nhìn dòng nước tháng ngày trôi xuôi mới ý thức được sự chuyền dịch của vũ-trụ. Cứ mỗi lần Xuân đi cũng như mỗi lần Xuân đến cũng đủ cho người ta suy niệm đến triều sóng hoat động của vô cùng.

Xuân đi hay Xuân đến chỉ là những nhịp vận chuyền của thời gian. Thời gian lại dưa trên không gian mà kiến lập. Thời gian thì miên tục và không gian thì biến đổi. Vì có biến đổi nên có sự suy luận về cái nay trước, cái kia sau, mới phát sinh ra ý niệm thời gian. Nếu không có sự xé dịch của địa cầu, sự vận hành của thời tiết thì làm gì có mùa Xuân mùa Hạ, có tháng có ngày. Nếu không có sự biến đổi thường trực đến chóng mặt của sự vật thì làm sao ta có được ý niệm cái đã qua và cái sắp đến. Thời gian chẳng qua là sản phẩm của ý thức, sản phẩm của mê muội. Thời gian không có thực thể.

Nói như vậy không phải là phủ nhận thời gian và hiện tượng của cuộc sống. Hiện tượng và bản thể chỉ là hai mặt của một thực tại không thể tách rời nhau được. Hiện tượng với bản thể chỉ là một. Ngoài hiện tượng không có bản thể cũng như ngoài bản thể không có hiện tượng. Bỏ

với những mùa Xuân của cuộc đời, những mùa Xuân của hiện tượng giả tưởng để tìm một mùa Xuân vĩnh cửu ngoài trần gian là một điều lầm lạc. Những biến động là biến hiện của cái bất biến động. Những mùa Xuân của cuộc sống vốn là những khởi phát của một mùa xuân vĩnh cửu; cũng như mùa Xuân vĩnh cửu vốn tiềm phục trong những mùa Xuân của cuộc sống. Niết-bàn và Địa-ngục vốn không phải một, nhưng cũng không phải khác. Khác hay một là bởi còn tư kiến và thiên chấp. Chỉ khi nào rời bỏ những ngộ nhận lưỡng tính có với không, ngã với phi ngã, hữu hạn với vô cùng, nhân loại với Thương-tế; chỉ khi nào đứng trong trạng thái bất nhị của ngài Duy-Ma, trên quan điểm lý niệm của tồ Huệ-Năng, trên nhận thức Tam quán của Thuyền-sư Trí-Khai, ta mới thấu triệt và thè nhập vào sự tương quan hồn nhiên giữa hiện tượng với bản thể, giữa mùa Xuân của siêu việt với mùa Xuân của cuộc sống. Và mùa Xuân của người Phật-tử chúng ta vẫn là mùa Xuân Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nối liền với mùa Xuân đang còn Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

Thè, Tướng, Dụng chỉ là ba phương diện của một thực tại duy nhất, của một pháp tánh thường trú. Lão-tử, Trang-tử nhận thức sự giả hợp, ảo hóa của sự vật, mới gọi ta trở về với vô vi bằng cách vận dụng nội quan yên tĩnh thế là đi từ Tướng, Dụng trở về Thè. Không-tử, Mặc-tử trong tinh thần «Nhất Dĩ Quán chí» với «Thiên hà ngôn tai!» Đến triết lý đại-đồng là đi từ Thè trở ra Tướng, Dụng. Lão, Trang lấy Thè làm cứu cánh nên bỏ quên Tướng, Dụng. Không, Mặc yêu mến Tướng, Dụng nên không bùn đến Thè. Phật giáo với một triết lý toàn bộ và một nhận thức toàn diện tìm thấy sự đồng-nhất-tính của ba phương diện đó. Vì vậy người Phật tử yêu mến chúng sanh mà cũng

yêu mến Niết-Bàn, vừa xuất thế mà cũng vừa nhập thế, lần
xả mình vào đau khổ và Địa-ngục mà vẫn tìm được Thanh
Tịnh, yên vui. Giá trị đặc biệt của Phật-giáo là ở điểm đó.

Nhân loại hiện nay đang khát vọng một mùa xuân, nhưng
chưa bao giờ thực hiện được. Nền Văn-hóa hiện hưu của
Nhân loại hiện nay là một nền văn-hóa đầy chia cắt và
đầy những khuynh-hướng đối lập. Nhân loại đang nhìn thực
tại với những eấp kinh màu. Người ta tranh chấp nhau vì
những triết lý Nhâtl-nguyên Nhị-nguyên, Vô thán, Hữu thán,
xuất thế, nhập thế, Duy tâm, Duy vật. Văn-hóa nhân loại phải
là một nền văn-hóa tổng hợp, toàn bộ. Không khi đê nuôi
dưỡng nền văn-hóa đó phải là Phật giáo, một tôn giáo không
đúc kết bằng giáo điều mà bằng nguyên ý sống động phóng
khoáng, tự do, bằng những chân lý thực nghiệm, bằng những
nhận thức chân chính và toàn diện.

Mỗi một mùa xuân đến, người Phật tử lại một lần kiêm
điểm lại vốn liếng tinh thần, cù soát lại những thành quả
thâu lượm được và định hướng tương lai. Mỗi một mùa
Xuân đến, người Phật tử lại tin tưởng vào khả năng sáng
tạo của con người, vào giá trị của biệt nghiệp và cộng nghiệp,
vào nguyên lý « Vạn pháp duy thức », để cải tạo cá nhân và
xã hội, để biến địa ngục trần gian thành hoàng kim Tịnh-độ.

Trong lúc nhân loại đang hấp hối trong bầu không khí
nhiễm độc của chiến tranh, của nguyên tử, của lòng đố kỵ,
hận thù, người Phật tử cần phải đem lửa trí tuệ và thương
yêu để sưởi ấm cả một linh hồn thế hệ trong giờ thoị thóp.
Hoa Xuân Niết-Bàn chỉ nở trên đất trần gian chứ không
nở ở một nơi nào khác. Xuân của Niết-Bàn và Xuân của
trần gian là một. Và đó cũng là mùa Xuân của chúng ta.

LUẬN TÂN DUY THỨC

Soạn giả : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giả : THÍCH MẬT NGUYỄN

Tân-duy-thức luận này, đã đăng vài đoạn trong Liên-Hoa năm thứ hai, (Bính thân — 1956) nhưng chúng tôi nhận thấy chưa thích hợp với độc-giả lúc bấy giờ nên phải tạm nghỉ. Nay cơ duyên đã đến, chúng tôi ~~hai~~ ~~đã~~ cố gắng hiến quý độc giả một môn học rất cần thiết cho hàng Phật-tử ~~bắt đầu đăng~~ muốn đi sâu vào Phật-pháp và những Học-giả muốn bồi đắp cho trí thức mình thêm rộng.

Thân thế và sự nghiệp của Thái-Hư đại sư — Soạn giả bộ luận này — chúng tôi đã viết trong Liên-Hoa số 3 năm thứ tư, nhân dịp húy-niệm Ngài.

Thượng-Tọa Thích Mật-Nguyễn — Dịch giả — là một vị Thượng-Tọa hiện đang hoạt động trong các cơ quan Phật-giao nước nhà, chắc quý vị độc-giả đều biết.

L. T. S.

CHƯƠNG MỤC :

- 1) Sự phái doan về luận Tân duy thức.
- 2) Duy thức, luận về Vũ-trụ và nhơn sanh.
- 3) Duy thức, luận về sự phân tích, kinh nghiệm. — Quan sát và hệ thống.
- 4) Duy thức, luận về sự chuyển hóa, biến hiện. Duyên khởi và sanh hoạt.
- 5) Duy thức, luận về chơn lý và thật tánh.
- 6) Duy thức, luận về sự liễu ngộ, giải phóng, cải tạo, tiến hóa và lura chọn.
- 7) Duy thức, luận về sự thật chứng, biểu hiện, siêu tuyệt thảng diệu và thành công.
- 8) Duy thức, luận về sự cứu cánh.

I.— SỰ PHÁT ĐOAN VỀ TÂN-DUY-THÚC

« Mười ngày từ giả hồ tây,

Hoa đào hồng thăm nở đầy trên đê ».

Đó là quang cảnh Tây-hồ của một tiết thanh minh, tôi đi thuyền từ viện Tịnh-Phạn đến viện Di-Lặc; trong lúc đi thuyền, tinh cờ lưu lô ra lời ngâm vịnh trên.

Không hiểu sắc hồng của hoa đào bắt đầu có từ lúc nào? Hồ bao quanh núi, đê ở trên hồ, vị trí cảnh vật đều như có sẵn. Cái tôi đây cũng không phải mới có một mai một chiều; ở trên núi, đào giữa hồ, thường chơi cảnh xuân sáng đẹp và đưa với lượn sóng chập chờn... Những quang cảnh này đâu phải lần đầu. Tuy nhiên, trong lúc thỉnh linh người và cảnh giao tiếp gấp cơ thích ứng không gì ngăn được những khi tượng mới, tư tưởng mới, tương cảm vui sướng ra.

Cũng như luận Duy-Thúc không phải mới, nhưng vì tư tưởng học thuật của Âu, Á và sự nhu cầu của khuynh hướng mới mạnh mẽ phát động ra những đặc điểm tinh quang ở trên tư trào hiện đại; cũng như hoa đào hồng trổ sắc hồng khắp trên đê, toàn cảnh núi hồ như đó một loạt dồi mới, như thế không thể không bảo là « TÂN DUY THÚC » được ư? Nghĩa chữ « TÂN » của luận 'Duy-thúc' này:

a) — Vì sự nhu cầu của tư tưởng học thuật trong cận đại. Mới đây khoa học tấn bộ, không những có những thành tích phi thường về vật chất, đã làm cho Thần-giáo mất chỗ y cứ, sức bao dung của triết học trước đây cũng lần lượt bị khoa học chia xé. Chỉ còn môn học « Hình nhì thượng » (siêu hình) là chỗ lưu dư cho triết học mà thôi. — Trải qua sự cứu xét về « Nhận thức luận » thì « Hình nhì thượng học » cũng bị hoài nghi, rõ cuộc không biết sao là phải, đâu có biết cũng chẳng có hiệu quả gì, nên liệt ngay vào hạng « không thành vấn đề » và không cần giải quyết nữa. Rồi triết học cũng bị giàn, hòa trộn vào

trong nguyên lý của khoa học, phụ thuộc theo khoa học mà thôi.—Nhưng gần đây trải qua cuộc đại loạn có người quy tội cho khoa học, có người bảo không phải tội tại khoa học, tội do dùng lầm khoa học. Nhưng duyên cớ vì đâu dùng lầm khoa học? và thế nào là không dùng làm khoa học? Khoa học đã không trả lời được, khoa học cơ hồ hoàn toàn không ý nghĩa và không mục đích. Ông LA-TỐ là người cận đại cũng bảo khoa học y cứ mê tín để phát sinh, nếu bỏ hết mê tín, tự thân của khoa học cũng khó nỗi thành lập. Khoa học còn hy vọng cách gì ư? Thần giáo và Triết học, lần lượt đều bị khoa học làm cho cung đường, rốt cuộc khoa học cũng tự vạch áo bảy vai, cũng không chỗ thông, thật như quân chủ chuyên chế v.v.. đều bị chánh thể khác đánh dồn, nhưng những chính thể khác cũng vẫn không có cách gì để trị bình thiên hạ, khiến cho biền lòng mènh mong, chẳng biết đâu là hờ bến—Gặp cảnh ngộ này chúng ta có nên bỏ học thuyết lý tưởng huyền viễn, chỉ chuyên dùng sự hiệu dụng sanh hoạt hiện tại của quần chúng như chủ nghĩa thật tế của ông Thiém-Mẫu không? Xét kỹ sanh hoạt của quần chúng có thể tồn tại được không? Thuyết đó cũng bị nghi ngờ nữa, vì có thể y vào sinh hoạt để làm tin chắc được không? Hay là nhận thức học thuyết hình-nhi-thượng « có thể » được mà thôi, chứ không thể chấp là « thật phải », như luận « Thiết tại » của ông La-Tố đã nói được không? Khi đã có sự thật tại « được » và « phải » rồi, chủ ý ta trong mong làm sao được tự do thăm dò, chứ không thể dùng phương châm là bảy chỉ cho hạng người trung lưu, dối gạt họ làm cho họ không có chỗ đặt để tay chân được. Hay là bỏ phương pháp khai niệm về suy lý, cho rằng bản thể chỉ có thể do trực-giác như lời ông Bá-Cách-Sum đã bàn được không? Nhưng đối với loài người có những ngã-chấp, pháp-chấp, câu-sanh, nên bằng vào trực-giác cũng không phải là phương Pháp bảo đảm đức tin được.

Ở trên xu thế của tư tưởng học thuật ta đã thấy có kẻ muốn tìm một pháp gì chơn thật tự do để khéo dùng

khoa học, không bị khoa học làm mê làm; kể dò lại có một khuynh hướng là nếu không đem tất cả vấn đề cẩn bản ra để được một phen giải quyết rõ ráo, thi không được; do đó càng lẩn lượt tìm hiểu càng đến gần một bên luận «Chơn-duy-thúc». Chúng ta có thể khái niệm: «tưởng rằng tốt núi cùng nguồn là hết nõo, không ngờ trong liều lục hoa tươi còn có thân» Thì nên luận Duy-thúc này là sự nhu cầu tối yếu cho tư tưởng học thuật cận đại vậy.

B.— Dùng tư tưởng học thuật cận đại mới đây để xiên minh «Tân Duy thúc».

Sách học về duy thúc rất nhiều, tùy loại thuyết pháp đều được thích nghi. Song đối với chỗ nghi nan, chỗ giải quyết của giới tư tưởng học thuật cận đại, đại ý tuy đồng, nhưng hình thế nhân tâm-xu hướng đã khác, phương pháp thuận ứng cũng theo đó biến thiên. Người chống chơi càng ở trong thời đại danh, cũ, văn, nghĩa càng biến hóa, xưa nay sai khác, cho nên không thể dùng lối văn học sống của nhân tâm đang lưu hành trong hiện đại, để làm công cụ mời cho sự biểu dương chơn tinh thần của Duy-thúc-học. Duy thúc luận này có thể cung ứng sự nhu cầu cho giới tư tưởng học thuật, khiến được chết rồi sống lại, tái tạo văn minh, nhưng không thể ứng hóa với trào lưu tư tưởng học thuật hiện đại, khiến cho hoạt hiện trong thế gian một chơn tinh thần Luận «Tân-Duy-Thúc» cũng chưa đủ làm thích ứng cho tư trào hiện đại vậy. Bởi lẽ luận Tân-Duy-thúc là ứng hóa thán của luận Chơn-duy-thúc. Từ chơn thán khởi ứng-thán, toàn ứng túc là chơn, chơn-thâu, ứng-thán đồng lòng, nhưng rất có nghĩa hợp thời là qui tại ứng-hoa, Đó thật là một nghiệp lớn lao, đây tôi chỉ gọi là góp sức thô sơ thiển bạo, để làm tiền phong cho người tri giả mà thôi.

C.— Luận Tân-duy-thúc không phải chia sẻ luận Duy-tâm của Tây phương mà có, đã lâu lắm, trong giới tư tưởng học thuật của tây phương luận duy-tâm đối lập với

duy-vật, thường hay bài xích lẫn nhau, người nói cũng có lý, người chấp cũng có cớ, nhưng rốt cuộc không ai có thể thành tựu được. Thành tựu được chẳng, chỉ gần đây có chủ quan duy-tâm-luận và khách quan duy-tâm-luận ấy vậy — Tuy nhiên, cả hai phái ấy đều chưa rõ cái mà ngày nay gọi là tâm như thế nào — Tâm, nếu cắt chia những hình tướng biến hiện ra từng tấm, từng đoạn, như thế đâu có thể chứng minh là chơn tâm; nếu đem ra mà bảo rằng « Duy-tâm », càng nói chừng nào tánh bản-chơn của tâm càng lu mờ, cái mà trong kinh Lăng-nghiêm gọi « hu không tối tăm », duyên vào hu không ấy chỉ mình tự bị che lấp đi mà thôi, bao nhiêu tiền trăn hu vọng như chiêm bao như bóng huyền, biến chuyen không ngừng đều trở thành rối loạn, không hề thấy được ánh sáng trong sạch của tâm là gì. Luận duy-thức này là sự trở lại đường về, khiến cho diệu-tâm được viên hiền, dũng và dụng đều bày như lý như lượng, không thủ không xả, không cùng với Luận Duy-tâm của Tây-phương bị trải qua các cuộc chia xẻ tan nát đồng một đường lối vậy. Cho nên luận duy-thức này xuất hiện không phải như luận duy-vật với luận duy-tâm quanh quẩn qua lại. Luận này thật là một trận mưa phải thời do tư trào thế giới gộp lại, chia ra một lối giáo hóa mới vậy.

D.— Luận Tân Duy-Thức này không vỗ đoán như Huyền-tưởng-luận của đời xưa.

Nhà tư tưởng đời xưa căn cứ chỗ cầu về lý tánh, thường dùng các tư tưởng huyền viễn; nương hư tưởng cầu tạo vỗ đoán sự thật duy nhất của nhơn sanh như thế nào, và sự duy nhất rốt ráo của cả nhơn sanh vũ trụ như thế nào, những thuyết một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh tứ tượng, tứ tượng sanh bát-quái. Gia-hòa-hoa là khởi sanh muôn vật, là chúa tể của quần sanh, tuyệt đối không gì ngoài, không trước không sau; Thần-nghĩ hiện với minh-tánh, sanh ra tri giác, sanh ngã-mạn, sanh 5 duy, sanh 5 đại, sanh 11 căn, các pháp được sanh đều trở về tự tánh, thì thần ngã rồi

minh-tánh vẫn được tự tại. Các thuyết trên đều là chỗ dong ruỗi của cõi-nhân, chỉ có danh ngôn, chứ không thật nghĩa. Luận này tuyệt đối bài trừ tất cả tư tưởng huyền viễn giả dối và vỗ đoán vọng chấp trên, dễ giải quyết tâm, cảnh hiện giờ ở nơi chúng ta thành những lý luận có hệ thống; trọng hiện chứng, quý thật nghiệm, lại có những phương pháp dễ hiện chứng và thật nghiệm vậy. Tự tâm của ta hề một niệm hiệp với lý-tánh, toàn thể pháp-giới đều viên mãn đứng lặng, hoạt bát trôi chảy không chỗ lưu ngại, tất cả lời nói câu văn, đều như dấu chim trong hư không, không thể tìm bắt được. Khi đã chuyền được núi sông, đại địa tiêu qui về ta, và chuyền được ta tiêu qui về núi sông đại địa, lúc ấy mới có thể chuyền khoa học, không bị khoa học chuyền, viên mãn thành được đại dụng, cùng với khoa học trước sau cũng thành, cùng dùng chung nhau, chính vì đó mà tôi viết luận Tân-duy-thức này vậy.

Luận đến Tân-duy-thức học, thật là luận giáo pháp đầu tiên của Đại-thura. Ở Âu-Tây, công của khoa học thịnh hành, đều y cứ vào luận duy-vật làm tôn chỉ, sợ nghe cái tên Đại-thura duy-thức. Dù có nói đến Đại-thura duy-thức tức là đem theo cả thần quyền và huyền thuật đến nữa. Không biết cở sở dĩ thành lập luận Đại-thura duy-thức là đã từng trải qua Hữu-luận, Không-luận của Tiêu-thura, Không-tôn của Đại-thura, dẹp trừ chấp thường của Duy-thần-luận và chấp-doan của Duy-vật-luận, đồng thời quét trừ san phẳng dễ mở thuyết Trung-đạo cho Đại-thura Duy-thức vậy. Cho nên duyên khởi của luận Đại-thura duy-thức này là nguyên ở Ăn-dô, đương lúc Đa-nguyên-luận, Nhị-nguyên-luận của Thắng-luận và Thần-ngã-luận trong Thiên-thần-luận, Phiếm-thần-luận và Số-luận, thuyết cực vi của 4 đại và thuyết Duy-vật luận trong Thuận-thể-luận, Hữu-luận và Không-

luận trong Tiêu-thừa, Không-tôn trong Đại-thừa v.v... tham
cứu lý huyền áo và quán huệ vi mật, rất thanh trong một
thời. Tóm lại, do sự bức bách về nhu cầu vô cùng của
tri não con người, nên luận Đại-thừa duy-thức này mới
ứng vận hưng khởi. Vã lúc ấy Ấn-dộ tuy có các bộ luận
chánh chơn của Tiêu-thừa, nhưng chỉ chuyên việc giải
thoát cao siêu ngoài đời, không thể cứu khắp quẩn sanh
cùng với luận duy-vật, được khoa học tòn sùng ngày nay,
cũng chỉ khoát một lốt trang sức cho hoàn cầu, không thể
đem an lạc cứu khổ cho nhân loại được, hai bên cùng
giống như nhau. Cho nên tôn học duy-thức không những
cùng với duy-vật khoa học có chỗ tương quan mật thiết,
chính trong thời kỳ duy-vật khoa học đại phát đạt này cần
phải xiền minh tôn học duy-thức, và phải gấp rút xiền
minh tôn học duy-thức để cứu vớt mức cùng của duy-
vật khoa học vậy.

Chính vì thế luận Tân-duy-thức này sở dĩ gọi là «Tân
duy-thức» vậy.

Duy nghĩa là gì? Thức là chỉ cho cái gì? Thức vì sao
phải có Duy? Duy lấy gì làm thức? Duy là nghĩa không
thừa, không trái, không ngoài, không khác và không ly.
Thức là chỉ cho tự thận của tâm thức, là tâm cảnh tương
ứng, là cảnh sở biến của thức, là phản lý của mỗi thức,
và thật tánh các pháp của nhân-sinh vũ-trụ. Thức, nếu
không có duy, không thể có thể tướng của thức được. Duy
phải có thức, vì tất cả các pháp hiện thật giữa đều
là của thức hết vậy.

(còn nữa)

Nguyễn

Phai chăng xú xíu giang bà
Đò vè biển ấy bà sa ngầm ngùi
Sơ sinh thi đã khóc rỗi
Hình qua một chớp đã vùi ebau sa
Hư oô vẫn ơi oai ngà
Pha lê thác đồ, cầm ca tắt dừng
Đài kia điện nở trùng trùng
Lò ra một chớp bái bùng chiêm bao
Tình kia hận nở vang gào
Ngàn muôn triệu kiếp đồ vào Võ Biển
Đêm nay le lói bạ buynh
Gục bên Biển Lớn bồn ngbiêng gửi vè

THẠCH-TRUNG-GIẢ

*Lược khảo các Tôn
phái trong Phật giáo*

THÀNH THẬT TÔN

(SATYASIDDHI)

THÍCH NGUYỄN-HỒNG

I. — DUYÊN KHỞI LẬP TÔN

Tôn này lấy tên ở bộ luận của Ha-lê-bạt-ma (Harivarman) nguyên tác bằng Phạn văn là Satyasiddhi-Sastra, Tàu dịch là Thành thật luận.

Bộ này nguyên bản đã thất lạc, còn lại bản dịch của ngài Cưu-Ma-La-Thập (Kumarajiva) gồm 16 quyển chia làm 202 phẩm, dịch vào khoảng niên hiệu Hoằng-Thi đời Dao-Tần. Sau đó, các ngài Tăng-Duệ, Đàm-Ánh chuyên diễn giảng luận này, số người xu hướng đông mà thành ra một tôn phái. Sang các đời Tống, Tề, Lương, Trần phong trào nghiên cứu Thành-thật-luận lại càng盛行, các pháp-sư như Đạo-Lượng, Đàm-Độ, Tri-Tạng, Hồng-Yền đều có tạo sờ, chú thích, tận lực hoằng dương tôn thủ.

Ha-lê-bạt-ma, một luận-sư danh tiếng, đã cho ra đời bộ luận vào lúc Đại-thừa và Tiểu-thừa tranh chấp sôi nổi. Ông tự hào và can đảm dè xướng học phái và cho rằng chủ trương của mình là chân chính Phật-giáo. Mở đầu bộ luận Thành-thật, ông nói:

«Tôi nay xin phát minh lý nghĩa Thành-kinh, nghĩa lý chân thật. Nguyên vọng mỗi Tỳ-kheo thuộc các môn phái và cầu xin đức Phật chứng tri lời giảng giải của tôi».

Tôn này phủ nhận Hữu-luận, chủ trương Không-luận (nhưn và pháp đều không). Đến đây là tuyệt diêm của Tiểu-thừa, mà chính cũng là cuộc vận động cuối cùng vậy. Suy luận về trình tự tiến triển, ta có thể nói rằng Thành-thật tôn là cái gạch nối giữa Tiểu-thừa và Đại-thừa Phật-giáo.

II.— GIÁO NGHĨA CHỦ YẾU

Tại sao ta có thể bảo Thành-thật luận, về một phương diện, được xem như cái gạch nối liền Tiều-thùra và Đại-thùra.

Về vấn đề Nhơn-không, Thành-thật cũng như Câu-xá đều chủ trương thân người không thật có, là giả hợp do ngũ uần. Tiến lên một bước nữa, Thành-thật tôn không công nhận bản thể của uần (Skandha) cũng không tồn tại vĩnh viễn. Bản thể của 5 uần chỉ tồn tại khi ta thấy nó là điều kiện tạo thành ngã (atma). Nhưng thật ra thì thật thể của nó cũng vốn không, là *vì ta còn có thể phân tích*, như thế cái ta gọi là ngã, bản thể của uần chính là không (Sunyata). Chính điểm này là then chốt của cái cầu nối Tiều-thùra và Đại-thùra đó.

1) *Không quán và vô ngã quán*, nói chung là lý hai không tức Nhơn-không và Pháp-không.

Không quán là phép quán về Nhơn-không, xem thân này do 5 uần hòa hợp, không thật có. Vô ngã quán là phép quán về Pháp-không, xem các pháp là giả danh không thật pháp. Có thể lấy một câu trong Thành-thật luận tổng kết về lý hai không như sau:

« Không quán là quán về giả danh chúng sanh, như người xem thấy trong bình không có nước, vì không có nước nên gọi là không; cũng thế, trong ngũ-Ấm-thân không thấy có Người nên gọi Nhơn-không. Lại như cái bình cũng không thật, chỉ là giả danh gọi nó mà thôi; cũng thế, trong 5 ấm ấy không thấy có cái 5 ấm, cho nên gọi là Pháp-không ». (Không quán giả, giả danh chúng sanh; như nhơn kiến bình, dĩ vô thủy cõi không; như thị ngũ ấm chi trung, bất kiến hữu nhơn cõi không. Hựu như bình thề phi thật, thị giả danh hữu; như thị ngũ ấm chi trung, bất kiến hữu ngũ ấm cõi không Thành-thật luận. Cưu-Ma-La-Thập dịch).

Hai pháp quán này giúp người tu hành liễu ngộ nhơn không để diệt trừ phiền não chướng, liễu ngộ pháp không để diệt trừ Sở-iri chướng. Người tu hành có dứt được hai chướng này mới thoát ra ngoài sự ràng buộc về thân mạng và ba cõi, đó là điều kiện để chứng Phật-quả.

Xem đó thi qui thú của tôn này về noi không tịnh diệt-dẽ, khởi thân đoạn tri dẽ cầu chứng Vô du Niết-bàn, cũng hợp với giáo nghĩa Tam-pháp-ấn của Tiêu-thùra-giáo vậy.

Song le, thường ta nghe rằng giáo nghĩa Tiêu-thùra chỉ nói Ngã-không, không nghe thuyết minh Pháp-không. Tôn này dẽ cáp đến Pháp-không có thể gọi là dã bắt đầu phà vở hàng rào ngăn cách Tiêu-thùra và bước sang lãnh vực Đại-thùra. Vì thế có người bảo Ha-lê-bạt-ma thuộc Pháptạng bộ (Dharmaguptah), tức chi phái thứ 8 trong Thượng-tọa bộ (Arya-Sthavirah); có người bảo thuộc Đa-văn-bộ (Bahusutiyah), tức chi phái thứ tư trong Đại-chúng-bộ (Mahasanghikah). Có người cho rằng Ha-lê-bạt-ma giải thích Tiêu-thùra qua sự giúp đỡ của Đại-thùra. Dầu vậy, căn cứ trên giáo nghĩa Tam-pháp-ấn ta thấy, Thành-thật-tôn không thoát khỏi cương vị Tiêu-thùra. Đây là 4 điểm khác biệt về «không nghĩa» giữa Tiêu-thùra và Đại-thùra:

— Không nghĩa của Tiêu-thùra nhận định qua sự phân tích các pháp; Không nghĩa Đại-thùra chỉ về bản tính không tịnh.

— Tiêu-thùra chỉ thuyết minh nhơn pháp nhị không trong vòng tam giới; không nghĩa Đại-thùra vượt ngoài phạm vi tam giới.

— Tiêu-thùra chỉ nói không mà chưa hề dẽ cáp về phương diện phủ định của không; Đại-thùra trái lại.

— Tiêu-thùra chỉ trụ nơi không pháp, Đại-thùra trái lại và cho rằng không tướng là bất khả dắc.

2) *Thế gian môn và đệ nhất nghĩa môn.*

Tôn này lập Thế-gian môn (cũng gọi Tục-dẽ: Samvritika) và Đệ nhất nghĩa môn (cũng gọi Chân-dẽ Paramartika) dẽ cắt nghìn hiện tượng và thực thề vũ trụ.

Đúng về quan điểm Tục-dẽ thì sự tồn tại của mỗi cá nhân được công nhận, như trong kinh dạy người hưởng quả tốt là do tạo nhân tốt, người thọ quả xấu là do tạo nhân xấu v.v... tâm-thức luôn luôn tồn tại.

Đúng về quan điểm Chân-dẽ thì mọi vật đều không, như trong kinh dạy 5 uần không có ngã và ngã sở, tâm-thức luôn thay đổi như nước trôi, gió thoảng, ngọn lửa

sanh diệt. Dù tạo nghiệp thọ quả, tâm ta cũng luôn biến đổi theo luật nhân quả.

Như vậy Ha-lê-bạt-ma công nhận thuyết 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 12 nhân duyên, 3 cõi, 4 loài, và kiếp số là đứng về phương diện Tục-dế vậy. Luôn tiện đây ta còn phải nói thêm rằng về phương diện tâm, Ha-lê-bạt-ma phân chia làm 3 phần, có thể mệnh danh là phân loại chủ quan:

Một là Giả-danh-tâm, tức cái tâm chấp trước sự giả hợp là trừng tồn, thân ngũ uẩn là thật có. Dứt được giả-danh-tâm, phải thực hành quán Nhân-vô-ngã chứng lý Nhân-không.

Hai là Pháp-tâm, tức cái tâm chấp thực thê năm uẩn là thật có. Đề dứt trừ pháp tâm, phải thực hành quán pháp-vô-ngã chứng lý Pháp-không.

Ba là Không-tâm, tức khi đã chứng Nhân-không Pháp-không thì không nên chấp chặt vào cái không ấy mà cho là hoàn toàn không, phải diệt trừ không-chấp chứng Niết-bàn diệt đế.

3) Phân chia Tâm-giới và Vật-giới.

Tôn này phân chia Tâm-giới và vật-giới ra 84 pháp gồm có: sắc pháp 14, tâm pháp 50, bất tương ứng pháp 17, vô vi pháp 3.

14 sắc pháp: 5 căn, 5 trần và 4 đại.

50 tâm pháp: 1 tâm-vương, 49 tâm-sở. Trong 49 tâm sở tương tự như bài Câu-xá-tôn, chỉ khác là Thành-thật-tôn thêm hỷ (tánh vui) và bất hỷ (chán) Thụy-miên bên Câu-xá, Thành-thật chia làm 2: Thụy (vừa ngủ) Miên (ngủ say, mỉm mẫn).

17 bất tương ứng hành pháp: tương tự 14 bên Câu-xá, ở đây nhập đồng phần chung vào mạng-căn, thêm lão (suy nhược, già) Tử (chết, tiêu diệt) phàm phu (chứng sanh trước) vô tác (tức vô biểu sắc).

3 vô vi pháp: y như Câu-xá.

N. B: Các danh từ, xem lại Câu-xá-tôn đã giải.

(Còn nữa)

Hối Hận

Thiện-Châu

TRƯỚC khi sắp lên đường sang Án, tôi có gặp Đại-đức Đức-Tâm tại Huế. Đại-đức cho biết gần đây có một luồng dư-luận xuyên tạc Đại-đức Minh-Châu phát ra từ một vài người trí thức ở Huế. Đại-đức Đức-Tâm bảo tôi sau khi đến Án nên viết một vài tin tức về Đại-đức Minh-Châu gửi đăng Liên-Hoa để cài chính sự cố tình xuyên tạc ấy. Tôi cười và thưa: « Thưa thầy, cài chính làm chi cho mệt; dề thầy Minh-Châu về đây rồi thì họ tự mắc cở lấy ». Đại-đức Đức-Tâm nói: « Chúng mình thì không sao. Chỉ lo cho các em Phật-tử nhất là giới sinh viên, nhẹ dạ tin theo thì có hại cho lòng tin Phật của họ ngay bây giờ ». Tôi im lặng. Có lẽ Đại-đức Đức-Tâm nghĩ rằng tôi đã chấp thuận lời đề-nghị của Đại-đức. Và câu chuyện về Đại-đức Minh-Châu được chấm dứt dè nhường cho những câu chuyện khác.

Từ khi gặp Đại-đức Minh-Châu trên đất Án đến nay đã hơn 5 tháng, tôi không hề có ý định làm

công việc mà Đại-đức Đức-Tâm đã dặn. Vì tôi nghĩ thêm rằng: « Không cần tuyên-truyền cho Đại-đức Minh - Châu. Nếu viết không khéo lại bị Đại - đức rầy cho là khác. (đức tính diêm-dam và khiêm tốn của Đại-đức khiến tôi suy nghĩ điều này). Và lại, theo tôi, những lời tán-thán của Đại-đức Mangala người Án sang Việt-Nam vào hồi đầu năm, đã đem lại cho Phật-tử Việt-Nam một nguồn vui vô biên rồi — Đại-đức Mangala đã nói: « Tôi rất kính phục Đại-đức Minh-Châu, một vị Đại-đức Việt - Nam đầu tiên tôi gặp ở đất Án. Về trí thức thì khôi nói vì quý Thượng tọa đã nhận được kết quả về học lực của Đại-đức Minh - Châu rồi. Tôi muốn nói về đức hạnh. Không người Án hay ngoại quốc nào sau khi gặp, mà không kính phục vị học-giả đạo-hạnh ấy. Tôi có thể nói: Đại-đức Minh-Châu quả là một vị Đại-đức kiều mẫu vậy ».

Nhưng hôm nay, nhớ lại lời dặn của Đại-đức Đức-Tâm, tôi dám ra hối-hận. Hối-hận vì tôi đã không nghe lời Đại-đức Đức-Tâm dè làm

công việc chặn đứng sự xuyên tạc hèn hạ. Và nếu không nói lên những sự thật về Đại-đức Minh-Châu đê san sẻ nguồn vui cho kẻ khác, tôi sẽ là người ích kỷ. Vì tôi biết rõ Phật-ứ Việt-Nam đang khao khát được biết tin tức về Đại-đức Minh-Châu, một vị thầy mà họ hằng kính mến và mong đợi. Những bức thơ của tôi không bức nào là người viết thơ không hỏi đến Đại-Đức Minh-Châu. Hơn nữa, hôm nay tôi viết cũng là để được tưởng nhớ Đại-đức Minh-Châu một cách đầy đủ hơn. (Đại-đức có việc ở Đại học Bihar nên vắng Nalanda hơi lâu). Những giòng chữ này nếu không may lọt qua mắt Đại-đức (tôi cố gắng không cho số Liên-Hoa này đến tay Đại-đức) thì xin Đại-đức miễn thứ cho cái việc làm lේ-láo này của tôi.

Tôi cũng như quý Phật-ứ ở nhà đều biết thân thể và sự nghiệp tu hành của Đại-đức Minh-Châu khi ở nhà nhiều quá rồi, khỏi cần nhắc lại nơi đây. Tôi chỉ ghi nhận một vài nét mà Đại-đức hiện có, sau khi tôi gặp lại Đại-đức ở Ấn-dộ thôi. Vừa đến Ấn, khi viếng chùa Hội quán của Hội Maha Bồ-đề ở thủ đô New Delhi cách Nalanda, chỗ Đại-đức Minh-châu ở gần 2000 cây số, chúng tôi đã được nghe các Đại-đức người Ấn, Thái, Cambốt ở đây ca ngợi Đại-đức Minh-Châu rồi. Về đến Nalanda, tuy chưa gặp Đại-đức ở Darzuling nhưng qua sự

đón tiếp nồng hậu thân mật của chư Tăng sinh-viên và học-giá ở đây, chúng tôi cũng biết được một phần nào uy tín của Đại-đức. Các vị ấy nhắc đến tên Đại-đức Minh-Châu một cách kính mến. Sau đó, Đại-đức Ghosananda, một học giả người Cambốt cho tôi biết: « Ông Viện Trưởng quý mến Đại-đức Minh-Châu lắm. Ông nói rằng Đại-đức Minh - Châu là Huyền-Tráng thứ hai của Nalanda. Và ông Kamesware Prasad, một học giả người Ấn, một hôm có người con từ Patna lên thăm, đã dẫn con đến thăm và trịnh trọng giới thiệu Đại-đức Minh-Châu với con mình. Ông nói: « Đây là Đại-đức Minh - Châu, người Việt-Nam. Đại-đức là « Tam tạng pháp sư » (chỉ ngài Huyền-Tráng) của Nalanda mới. (Ngài Huyền-Tráng ở Nalanda cũ.) Đại-đức thông suốt tam tạng kinh diền bằng Hán văn, Pali và Sanskrit. Đại-đức nói lưu loát tiếng Anh Pháp, Trung - Hoa và Hindi. Không những ở Nalanda mà khắp nơi, học giả và sinh viên Ấn cũng như ngoại quốc đều biết đến Đại-đức Minh-Châu, người đã đậu đầu kỳ thi M.A. và viết bài luận án, Ph-D dày gần 1000 trang về văn đề: « A comparative study of the Chinese Mahayana agama With the Pali Majjhima Nikaya » bằng năm thứ chữ: Anh, Pali, Hán, Sanskrit, Pháp.

Chính ông André Bareau một học giả hưu danh ở Pháp đã gửi thơ ca ngợi bản luận án này. Ngay những người Ấn, cũng rất ít người đạt được cấp bằng cao thuộc về môn cõi ngữ và triết học này. Người ngoại quốc thì phần nhiều chỉ học đến M.A. rồi về hoặc sang qua môn khác. Tại Nalanda cũng như toàn Ấn-dộ, hầu hết học giả và giáo-sư chỉ biết Pali, Sanskrit và Anh văn chứ rất ít người biết cả Hán và Pháp văn. Về kinh điển thì rất hiếm người thông thạo cả Tiều-thừa và Đại-thừa như Đại-đức Minh-Châu.

Tuy thế, chúng ta đừng vội nghĩ rằng Đại-đức Minh-Châu chỉ là một nhà học giả hưu danh mà phải thấy được cái toàn diện nơi Đại-đức; nghĩa là phải thấy Đại-đức là một vị Thạc-sĩ vừa là một bậc Thạc-đức. Chính Đại-đức đã nói với tôi khi xuất dương, Đại-đức chỉ có một ý nguyện là làm sao cho «Đạt đạo». Vì thế 3 năm ở Tích-Lan, Đại-đức đã dành rất nhiều thời giờ cho việc đi tham khảo các bậc chơn tu và thực hành Thuyền quán. Đại-đức đã lên tận Miến-Điện để nghiên cứu và tu tập Thuyền-dịnh. Và sau cùng Đại-đức mới chọn Nalanda làm nơi vừa tu tập vừa nghiên cứu. Tôi không dám bàn đến vấn đề đức hạnh của Đại-đức mà chỉ kể ra đây một vài đức tính đặc biệt của Đại-đức. Tuy là người ngoại quốc,

lại ở vào một nước nhỏ, nhưng với tài và đức, Đại-đức đã làm cho tất cả ban Giám đốc và toàn thể sinh viên cho đến những người giúp việc đều kính phục. Nalanda từ lâu muốn mời Đại-đức ở lại luôn làm giáo-sư. (Đại-đức đang còn lưỡng lự). Đại-đức hiện là Chủ tịch Hội Phật-giáo Nalanda. Hội tuy không đông hội-viên nhưng có tánh cách quốc-tế vì dù tất cả các nước Nhật, Đức, Ấn, Tích-Lan, Thái-Lan, Cam-Bốt, Lào, Tây-Tạng, Miến-Điện, Nepal, Pakistan, Việt-Nam, gồm cả Đại-thừa và Tiều-thừa. Ngoài việc giao-tế với các đoàn thể khác bên ngoài, Đại-đức luôn luôn chu đáo mọi công việc của Hội. Không có một việc nhỏ nào mà Đại-đức bỏ qua. Thậm chí Đại-đức săn sóc cả việc tụng kinh, thuyền-dịnh hằng ngày của chư Tăng Hội-viên. Có lần Đại-đức di Calcutta một thời gian hơi lâu, thế là công việc của Hội trở nên bê bối và đợi Đại-đức về mới kiện toàn lại được. Những sự đòi hỏi hợp lý của sinh-viên nội túc đều được Đại-đức yêu cầu kết quả với ban Giám đốc. Đại-đức đang làm một gạch nối giữa ban Giám đốc và sinh-viên. Đại-đức Minh-Châu quả là «một viên ngọc sáng» của Nalanda. Nhờ đó, chúng tôi những người Việt-Nam đến sau, được thừa hưởng uy tín của Đại-đức. Trong một tháng vừa qua, trên các nẻo đường chiêm bái, đến đâu chúng tôi cũng được chư Tăng

và Cư-sĩ đón tiếp nồng hậu. Nhiều chùa lớn đã mời Đại-đức thuyết pháp và Hội Phật-giáo tại Darjeeling đã mời Đại-đức làm Cố vấn danh dự. Chúng tôi nghĩ rằng không những Đại-đức đã làm rạng danh cho Phật-giáo Việt-Nam mà cả dân tộc Việt-Nam nữa. Chúng tôi tin tưởng Đại-đức là người đủ sức đảm đang công việc liên lạc giữa Phật-giáo Việt-Nam và Phật-giáo Quốc tế, nhất là các nước Đông Nam-Á.

Như tôi đã nói là từ lâu Nalanda muốn mời Đại-đức ở lại luôn làm giáo-su. Nếu Đại-đức ở lại Nalanda thì đó là một hạnh-phúc cho chúng tôi; không kể đến sự học — Chúng tôi học thêm với Đại-đức một ngày 3 giờ — mà cả đời sống tình cảm đạo hạnh khi ở nơi xa quê hương nữa. Tôi có thể nói: Có Đại-đức Minh-Châu ở Nalanda là chúng tôi có tất cả. Nhưng làm sao chúng tôi lại ích-kỷ như thế được. Chính tôi đã trình bày, sự cần thiết của sự trở về đất nước của Đại-đức và nói lên sự mong đợi Đại-đức của Phật-tử Việt-Nam. Qua sự trần tình của tôi, Đại-đức thông cảm nhiều. Nhưng có lần Đại-đức nói: Muốn cho người ta biết đến Phật-giáo Việt-Nam, mình phải đóng góp gì về văn hóa với Phật-giáo quốc-tế. * Đại-đức muốn nói sự nghiên cứu rộng rãi hiện nay sẽ làm cho học giả quốc-tế biết đến Phật-giáo Việt-Nam. Thật vậy, Nalanda đã yêu cầu in bản luận án và

nhiều tập nghiên cứu của Đại-đức. Một vài nhà xuất bản ở Bombay, Calcutta yêu cầu xuất bản những sáng tác của Đại-đức — Tôi rất sung sướng được thấy và đọc rất nhiều những tài liệu dịch thuật, sáng tác của Đại-đức. Có một điều rất tiếc cho đại chúng Việt-Nam là những bão vật ấy phần nhiều chỉ dành riêng cho học giả hay người có tâm nghiên cứu. Giáo-su André Bareau, đã gửi thư thỉnh Đại-đức sang Pháp để cùng nghiên-cứu. Đại-đức Pasadika cũng muốn thỉnh Đại-đức sang Đức để giáo hóa. Chính Đại-đức người Đức này đã nói, nếu Đại-đức Minh-Châu về nước và nếu được tôi sẽ sang Việt-Nam để học với Đại-đức về Pali và Phật-giáo Việt-Nam.

Viết đến đây, một tâm trạng phẫn vân buồn cười: phát hiện trong lòng tôi: nửa muốn Đại-đức về nước ngay lúc này để đem lại nguồn vui chánh-pháp cho Phật-tử và cả đồng bào Việt-Nam; nửa muốn Đại-đức ở lại đây để đóng góp cho nền văn hóa Phật-giáo quốc-tế và nhất là chúng tôi được nhiều lợi ích trong sự học hỏi.

Một niềm vui thanh tịnh đang đặt dào trong tâm tư lòng tôi vì đã được ca ngợi một người đáng ca ngợi: Đại-đức Minh-Châu hay là Huyền-Tráng Việt-Nam (lời B.-B. Pasadika, người Đức).

Và cuối cùng noi đây tôi cũng xin đại-đức Đức-Tâm từ-bi miễn thứ cho cái tội vâng lời chậm trễ của tôi.

Viết tại Nalanda, xong lúc kém 10 phút
đầy 1 giờ sáng ngày 26 tháng 12 P.L. 2.505

NĂM CỘP NÓI

CHUYỆN CỘP

Chuyện ngắn của SƠN NỮ

LẠI một năm nữa qua, hôm nay cũng như ngày đầu năm, năm ngoái. Lẽ vía ra mấy chị em quây quần bên lò tùng (1) ngoài trời mới sáng mờ mờ, nhưng xẩy qua trở lại vài lê tùng thì trời sáng hẳn. Xa xa trên đầu núi Kim-phụng sương mai cùi đóng lơ lửng từng lớp mỏng như những chiếc khăn voan của mấy cô thiếu nữ, dưới khe nước trong veo viềng hai hàng cỏ lục hai bên, mấy cây thông dằng trước xanh mướt như nhung, hoa mai hoa đào nở đẹp, và đó dây 5, 7 con chim Sơn-ca nhí-nhảnh hót đón xuân về.

Pháp muội tôi hơ hai tay vào lò tùng châm rải đoc:

Đầu núi choàng sương bạc — Làng khe buộc cổ xanh

Thông reo niềm an lạc — Nước gọn nét thanh bình

Hoa ngát hương ly dục — Chim hòa nhạc vô sanh

Hồng-Âm phong cảnh đẹp — Văn chương tả khó thành.

— Thấy tôi chăm chú nghe và có vẻ ngạc nhiên, sư cô cười:

— Em đã đại tỷ biết bài ấy của ai?

— Thị trong mẫu chuyện « Sai một lý đi một dặm » phải không? Nhưng tôi ngạc nhiên là trong ấy tôi tả cảnh « Nga mi sơn »: Nga mi phong cảnh đẹp, văn chương tả khó thành. Mà sư cô dồi lại: Hồng-Âm phong cảnh đẹp, văn chương tả khó thành. Hay mà đúng đây.

Ngoài đường chắc lạnh lắm. Khí lạnh của tiết đông tuy đã ban giao cho cả mùa xuân ấm, nhưng dư-ba lạnh lẽo cũng còn tê buốt người. Nghĩ thương những kẻ đầu đường xô chợ trộn đời không có một ngày xuân! Tôi ngậm ngùi cầu cho họ nghiệp báo chóng hối, đề hường trọn quả lành...

Đang nghĩ lan man thì nghe tiếng í-óe ngoài đường:

Nì chị Cầm! Còn có 4 cái răng cửa không lo mà cắn hạt dưa đi, sang năm rụng hết không ai mem cho mồ.

Tôi nhìn ra, chị Cầm đầu trùm khăn mờ gà, áo hàng ni á lục, quần bô lin mới tinh khôi, thêm đôi guốc dỗ và cặp cái nón lá trắng non, đang

(1) Là xông gỗ cây tùng, một thứ cây gỗ thơm nhẹ, xông thay trầm.

đi te-tet thì nghe kêu dứt dọng đường sau. Chị Cầm nhìn lui rồi cười hề hề:

— Ủa chờ cửa ngồi mô mất hết? Rụng răng ehừ mà không nghe mô rao rứa chị Cầm?

Rồi một O nữa vừa di lanh lại, nhìn tận mặt chị Cầm:

— Chùi cha, móm mà có duyên đáo đẽ lại dây coi bà con ơi. Sư cô khen: Chị Cầm thật vô ngại đại bi, chờ đầu năm đầu tháng mà mấy O chơi kiều đó thật hết nói. Rồi như nhớ ra điều gì sư cô tiếp: à đại tý nhớ, năm ngoái mình cũng ngồi thường xuân ở đây, rồi khi nhìn ra thấy đàn trâu đứng ngoài cửa đại tý này tú viết bài « Trâu lòng » đó, vậy năm nay đại tý định viết bài chi khai bút nà?

— Thiết mau quá hý, cái cảnh đàn trâu đứng ngoài hàng rào năm ngoái rõ ràng như mới trước mắt, mà thời gian vụt qua một năm rồi. Năm nay là năm cọp, già như ngoài công cũng có một đàn cọp như đàn trâu năm ngoái thì mình cũng viết một bài « cọp lòng » cho vui.

Nghé tiếng khúc khích sau lưng, rồi thấy sư cô cười. Tôi hỏi: pháp muội cười chi rứa? Chắc có tài liệu « cọp lòng » trong túi thì đưa ra cho mượn đi.

— Em cười đại tý lẩn thẩn làm mấy diệu họ cười đó, trâu đứng ngoài công thì văn sĩ này tú ra văn, chứ cọp mà đứng một đàn ngoài cái hàng rào chè tàu nó thì nhả văn đến nầy lứa, chạy văng guốc.

Sực nhớ câu nói vô ý thức của mình tôi cũng phì cười:

— Nhưng mình ở núi mà không nói chuyện cọp cũng vỗng. Thôi hay là hôm nay đầu năm đẽ tôi mừng tuổi mấy diệu một câu chuyện đời xưa, chuyện cọp mấy diệu có ưa n ghe không?

Thế là mấy diệu, nhất là Ngộ ta được nghe chuyện đời xưa diệu mừng ra cả tay chor. Tôi bảo mấy diệu di lấy chiếu trải ra hai hàng.

Thấy sư cô cú chúm chím mãi, tôi sanh nghi:

— Năm nay chắc có nhiều điểm vui, nên sư cô cứ vì tiểu hoài, cười chi nữa đó.

— Em thưa cái nầy mà đại tý đừng giận hý. Hôm nay đầu năm đầu tháng, có kè chuyện thì kè cho song suốt chờ mấy diệu họ ma lanh, nhất là diệu Ngộ đã lý sự quạt mo mà lại hay quan hình sát sắc lâm. Em nhớ hôm nào đại tý kè chuyện « Ông trời trồng » cho mấy diệu nghe mà cứ đánh hắn, ho, và ấm ú hoài, em sợ họ nghĩ sư cô không bẽ dẽ thì cung rạch đường.

Tôi chắp tay: Thiên ngôn tắc bá, tôi không tu được nhiều thi cũng rán cho bằng chị Cầm chứ. Rồi nhớ vậy tôi thận trọng trong buổi

kè chuyện này. Nghĩa là tôi không dám ho, nín đánh hồn và muốn trả tài cho sự cô biết, tôi kè ro ro một hơi như lưu thủy trường thiên:

— Ngày xưa, ở trên trái núi cao kia có một vị Thuyền sư tu tại đây, ngày ngày xuống tham thuyền bên bờ suối. Một hôm sau khi xả thuyền định, thì nghe có tiếng con nít khóc, khóc lâm, ngài dè ý và sanh nghi liền theo tiếng pháng túm thấy trên tảng đá kia có một hài nhi mới sanh. Nhìn lui nhìn tới không thấy ai, động lòng từ bi ngài liền đến ẵm đứa bé về, và thật là một việc khó nhọc lắm mới nuôi được đứa bé đến khi khôn lớn. Vì nơi đây là một chốn sơn cung thủy tần, không có dấu choven người đi đến, tháng ngày chỉ có dấu hùm bao vươn báo tới lui... Ông Điều vẫn một dạ theo thầy sống chất phát ở chốn tịch寥 đạm bạc và chỉ có thầy là nguồn an ủi vô biên cho đến năm ông được 19, 20 tuổi.

Một hôm thầy có duyên sự phải hạ sơn cho ông theo hẫu y bắt. Ông điệu nghiêm trang như luật, cúi đầu theo sau sư phụ.

Khi xuống khỏi choven núi vài dặm thì bao nhiêu cảnh trí lạ lùng khác chốn rừng núi hoang vu làm cho ông hết cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác, rồi thấy gì ông cũng thưa hỏi sư phụ cả. Thầy hoan hỷ giải thích cho ông nghe: Đây là phố xá, đây là chợ búa, đây là thành của vua, dinh thự của các quan giúp vua đắc tri an trăm họ... và đây là đây là... trò rất chăm chú nghe và vẫn theo sau thầy. Đến một khoản nữa thì ông thấy... ông thấy một cái lật lùng làm ông nhìn sững: Bạch sư phụ còn đây là cái gì?

Thầy theo ngón tay trò chỉ... bỗng thầy thắt sáu:

— Úy cọp cọp, rồi thầy kéo tay trò rẽ qua đường khác.

Nhưng trò vẫn dám đuổi theo: Bạch sư phụ con thấy cọp trên núi mình cũng rắn rẹn như thế nhưng dưới mọc ở cuối lưng và đi bốn chân như các thú thường. Đằng này cọp đồng nội lại khác hẳn, dưới mọc trên đầu và đi hai chân như người vậy (2)

Thầy thở dài: cọp thành thị dưới mọc trên đầu nên dữ hơn cọp núi vạn bội. Cọp núi thầy còn hàng phục được, chứ cọp thành thị thì thầy cũng phải sợ, vì đó là loại hổ vương, nếu người tu hành như thầy trò ta mà dụng đến thì chẳng những hổ vương ăn thịt mà ăn luôn cả pháp thân huệ mạng nữa con ạ. Con có sợ không?

Trò không trả lời mà chỉ nhìn theo hổ vương cho đến khi khuất dạng. Và từ đó, trên đường về núi, trò cũng thôi không thưa hỏi gì cả.

Lúc tới động thì trời vừa hoàng hôn. Thầy vô tư chân cứ bước nhanh. Nhưng trò uể oải đi không muôn nỗi. Ôi hoàng hôn, hoàng hôn về hôm nay thật buồn thổi ruột.

Cả đêm ấy trò trằn trọc không hề chớp mắt, mãi đến khi tiếng é é

(2) Một thiếu nữ mặc đồ cao bồi thứ hàng rận ri, tóc tém kiểu dưới ngực.

của nai con gọi mẹ, trò mời thiu thiu một chút thì thay đã dậy tung kinh.

Biết trò hôm qua đi về nhọc, thay đã yên cho ngủ. Nhưng thay có biết đâu ông học trò đương gác thay: tụng chí mà tụng hoài, tu chí mà tu hoài?

Sáng nay thức dậy trò chán nản như mất một vật gì, nhưng vẫn phải vác chìa ra sân. Khi cầm đến cây chồi trò rã rời trò gác: Chồi chí mà nặng trịch trịch như cái cùm, ra sân thay lá rụng nhiều trò càng gác hung: rụng chí mà rụng hoài. Quét mỗi tay trò lại nói xung, trò tới dưới gốc cây da, trớn cần chồi trò đánh túi bụi: rụng nì rụng nì ta quét hết hoi mà cứ rụng, rụng... thế là ông đánh cây da không biết mấy mà kè. Một chốc mệt quá, ông dựng chồi vào vai nhìn xa xăm như dè hình dung lại hồn vương hồn nó...

Trưa nay khi xuống suối nước ông lại càng bức mình hung: dốc chí mà lâm như dốc xuống âm phủ. Nghe suối chảy, tức mình ông nộp: kêu chí mà kêu ầm ầm như tiếng quỷ sứ bắt điếc lỗ tai. Khi dem nước lên, vừa leo dốc ông vừa lợe ợe: Núi chí mà cao vút như núi Thiết vi...

Từ ngày thay dem di dao phố về, ngày nào ông điệu cũng gác gồng buông quơ một mình, đêm dem thì sot li bì trò đậm tay đậm chân... thay hái lá nẫu nước xông, xông cung không bót, thay đầm thay tho. Nhưng than ôi! tho đầm nào có ăn chung gì đâu! Tối nay thay ngồi một bên rỗi ý tế thay hỏi: Từ hôm thay dem con di về đồng nội, thay chỉ cho con tất cả phô phường dinh thự nhân vật, vậy tất cả các thứ con có ưa thứ gì không?

Đang nằm mê man nghe tiếng thay hỏi, trò thở dài: Bạch sư phụ con yêu cợp quá.

Thay vô tư hỏi lại: Con yêu cợp nào? Mấy con cợp đến dây con rắn, con vẹt, con gáy v.v... con yêu con cợp nào?

Trò chán nản cái thái độ vô tư của thay; Ông thở dài: dạ không, con yêu cái con hổ-vương ở dưới phố hôm nọ sư phụ a.

Thay ngao ngán cho nghiệp chướng nặng nề của chúng-sanh. Nhưng vì từ bi tâm thay an ủi: thôi con gắng cơm nước cho mạnh, rồi thay niệm chú kêu hổ-vương lên với con.

Trưa nay thay thọ trại, trò đứng hầu xuất-sanh (3) rồi như thường lệ, trò bưng cái chén chút có nước và 7 hột cơm ra xuất sanh:

3) Xuất sanh: khi đức Phật còn tại thế, các loài quý vương, la sát v.v thọ giờ bắt sót nên không ăn các cầm thú nữa. Vì vậy đức Phật xác cho hàng xuất gia khi ăn cơm trước cùng Phật sau bổ thí các loài la sát để khỏi bị đói khát mà chết nên gọi: xuất sanh, nghĩa là khởi chất, được sống.

4) Nhữ đẳng quý thần chúng, Ngũ kim thi nhũ cung, Thủ thực biến thập phương Nhất thể quý thần cung. Nguyên văn như vậy Nhưng ông điệu lâm thần bất định, mờ ảo hồn vương nên ông đọc lộn.

Nhữ dâng hồ vương chúng. Ngã kim thí nhữ cúng. (4) Thủ thực biến thập phương. Nhứt thế hồ vương cọng. Vừa đọc xong bài chú, thì cái chén trên tay rót xuống, và trò nằm lăng bất tỉnh như sự.

Thuyền sư đứng dậy ra đỡ trò vào động, trò run như người sốt rét: miệng lắp vấp: con sợ quá con sợ quá, bạch sư phụ một bầy hồ vương, ở một bầy hồ vương nó đến kia con sợ quá, trò ôm chặt thầy, như nhớ định lực của thầy trò bắt được phần nào sợ hãi:

Thầy buồn bã ngồi xuống một bên: Con ạ thầy không trách con, mà chỉ thương hại cho cựu nghiệp của con. Con ơi người tu hành nếu không dứt khoát đường sanh tử thì nhiều kiếp ân ái dở-dang. Thầy trong khi thuyền định, biết được kiếp trước của con tuy có tu hành nhưng chưa sạch lòng ham muốn, kiếp này cũng lại tu hành mà nọc ái ân không dứt thì trên đường giải-thoát diệu vợi làm sao mong cầu cho được.

Từ khi thầy đưa con xuống núi, cho đến khi trở về động cũ, không một cử chỉ gì của con qua mắt thầy được. Ôi con có nhớ! Ngày trước khi tâm hồn con thanh-tịnh thì con thấy cảnh trí thần tiên, trái lại khi tâm con vừa mới bợt chút nhiễm ô thì con tự thấy cảnh trí trở thành địa ngục, rồi vì tâm thần xáo trộn đến nỗi một câu thần chú của Phật con không nhận rõ, con đã bị ái nhiễm ám ánh nên gọi lòn hồ-vương thì hồ-vương đến liền, con đã sợ diệu lực của thần chú chưa? vậy từ nay về sau thầy khuyên con phải tận lực gạn lọc cho hết căn bã ô nhiễm, nhổ sạch gốc ái ân, nhất tâm chuyên cần thuyền-định để cầu ra khỏi tam giới. Thầy cũng biết tu hành là khổ, khổ vì phải gò ép mình trong khuôn-khổ giới luật để cho qua cái giai đoạn trê trung quả thật là khổ, nhưng nếu không khổ khăn thì sao được gọi là bậc đại trưởng phu! thật chỉ có bậc đại trưởng phu mới làm được cái việc phi thường là tự giải thoát cho mình, và giải thoát tất cả chúng sanh ra khỏi đường sanh tử. Nhưng nếu không mạnh mẽ vượt khỏi giai đoạn khổ khăn này thì muôn kiếp trăm luân trong biển khổ.

Tiếng thầy khi trầm khi bồng lúc dịu dàng tha thiết như bà mẹ hiền vỗ về con thơ; khi mạnh mẽ quả quyết như vị đồng tướng hổ quân ra trận.

Ông diệu cảm động nắm chặt tay thầy, vì ông đã chứng minh lời thầy dạy rất đúng: ái ân chỉ đem lại khổ đau. rồi nhớ vậy, ông phát tâm tinh-tẫn trên đường tu niệm...

Khuya nay lúc quỳ trước tượng đức Thế-tôn, tụng Lăng-Nghiêm đến câu:

*Tương thử thâm tâm phụng trân sát
Thị tắc danh vi báo Phật án.*

Cảm ơn thầy, cảm ơn Phật, ông tràn hai hàng nước rồi ngon ngào tụng tiếp :

Phục thỉnh Thể-tôn vị chưởng minh
Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập
Như nhất chúng sanh vị thành Phật
Chung bắt u thử thủ nê-hoàn.

Tiếng hùng mạnh của ông rúng động cả rừng cây...

Hôm nay xuân về, núi rừng nhuộm sắc huy hoàng. Một dạo đồng trong dáng diệu siêu phàm cầm chổi ra gốc da. Và ta hãy nghe dây tiềng diệu ngâm nga, âm thanh len lỏi trong rừng cây kè lá :

Bụi tràn che lấp chân như
Quyết đem chổi quét trả tập nhán
Lá ngã nhân chuyên cẩn quét sạch
Cỏ ưu phiền nhô quách quăng xa...

Và :

Rồi đây nguyện được như lời
Thuyền từ một chiếc thảm thời giữa dòng
Hỡi những ai còn trong bể khổ
Hãy nương thuyền tể độ mà qua
Bến mè vượt khỏi ái hè
Lên bờ giải thoát mới là an vui...

Câu chuyện đời xưa đến đây là hết. Cố dỗ các con ai ngâm mấy câu thơ đó.

Điệu Ngộ nhanh nhều đưa tay: Bạch sư cô cái ông diệu yêu cợp ấy mà...

Nam-mô Tiếp-dẫn Đạo-sư A-Dì-Đà Phật

Bác-Sĩ Trương-Xuống Pháp-danh Tâm-Hòa tự Chánh-Nhơn 77 tuổi, là một trong những vị sáng lập An-Nam Phật-học Hội (tức là Hội Phật-giáo Trung-Phần hiện giờ) đã tạ-thế ngày 3 tháng giêng Nhâm-dần tại chùa Linh-Quang Huế, đã an táng ở khuôn viên chùa Trúc-Lâm vào ngày 7 tháng giêng.

Chúng tôi có lời phân ưu cùng tang-quyết và thành kính cầu chư Phật tiếp độ Hương-linh Bác-sĩ vãng-sanh Cyo-Lạc.

LIÊN-HOA

Tìm hiểu phái Zen ở Nhật:

XX.— ZEN VỚI ĐỜI SỐNG THỰC TẾ*

Tu hành theo Phật-pháp tức là tìm hiểu tự-kỷ. Tìm hiểu tự-kỷ tức là thè nhập vào tự-tâm. Thè nhập vào tự-tâm tức là liều ngộ vạn-pháp. Liều ngộ vạn-pháp tức là cả tâm và vật, cả mình và người đều thoát lục, không còn chấp-trước vào một cái gì cả.

CHÁNH PHÁP NHÂN-TẠNG HIỆN THÀNH CÔNG ÁN.

Con người nếu chỉ biết ăn ngủ và sống thì đời sống ấy chẳng khác gì với các loài động-vật. Vì các loài động vật khác cũng có sự sống và biết ham ăn thích ngủ như thế. Cho nên để định giá con người không phải dựa vào những ăn, ngủ, sống, mà cần phải dựa vào nơi cách sống, hành động để sống của người ấy. Một trong các cách sống thích hợp với địa vị con người là sống hòa hợp với lý tánh, chế ngự các thú tánh phát-sanh bởi bản năng cung-thông của các loài động vật khác. Nói một cách khác, đời sống có giá trị là một đời sống biết kìm hãm các dục-vọng để thề hối vào lý tánh chân thật của vũ trụ nhân sanh.

Một nhà thi-hàu danh tiếng của người Đức là ông J. W. Goethe (1749-1832) có nói rằng: « Hãy tìm hiểu và hòa hợp với thân-tâm của người ». Thật vậy, nếu con người không sống một đời sống hòa hợp với thân-tâm, không cố gắng tìm hiểu và khai phát những năng-tánh « bồn-cụ » (1) trong thân-tâm thì không thể gọi là con người đúng với

* Loạt bài « Tìm hiểu phái Zen ở Nhật » bắt đầu đăng từ Liên-Hoa số 3 năm thứ 6 (Canh-Tý) đến bài thứ 20 nay là trọn quyền nhất.
L. T. S.

(1) Năng-tánh bồn-cụ tức là năng-tánh thành Phật của mỗi người. Đức Phật đã dạy: « Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức-tưởng của Như-lai ». Trí-huệ đức-tánh ấy tức là năng-tánh bồn-cụ, cũng là tự-tánh thanh-tịnh-tâm của muôn loài chúng sanh theo quan-niệm của phái Zen.

danh nghĩa của nó được. Nhưng trước khi muốn tìm hiểu và hòa hợp với thân tâm bồn-cụ ấy, người ta cần phải quán sát để nhận thức rõ ràng những vò thường vò ngã, những hư nguy mâu thuẫn, những nghiệp duyên tội ác của thân tâm giả huyền này. Tại sao phải như thế? — Chúng ta thấy, rằng: trong cuộc đời hiện tại con người không phải là chủ-nhơn-ông của sự vật, không phải muốn gì đều được toại nguyện cả. Trái lại, con người chỉ là một vật yếu hèn giữa các phong ba bão táp, giữa các tai nạn bất ngờ thường xảy đến. Sanh mạng của con người cũng rất ngắn ngủi. Các tật bệnh già yếu, các sự chuyen biến vô thường luôn luôn bao bọc xung quanh. Thêm vào đó các tâm-lý tư-dục ngã chấp cũng thường khởi lên để ngăn cản những việc tu hành giải thoát, và làm nguyên nhân cho các hành-vi tội ác khác. Khi đã hiểu rõ thân-tâm là hiện thân của vò-thường vò-ngã, là kết cấu của hư nguy tội ác, tất nhiên con người cảm thấy mình cần phải có một tôn giáo để làm chỗ tin tưởng quy hướng của cuộc đời. Trong các tôn-giáo, Phật-giáo nhất là Zen, là một tôn-giáo thường chỉ rõ những tánh chất vò-thường vò-ngã, những hư nguy tội ác của thân tâm giả-huyền này, đồng thời cũng có mục đích đưa con người đến một sự thề nhập hoàn toàn vào thân tâm bồn-cụ, tức là chơn-tâm thường trú của chúng sanh.

Trong phái Zen phương-pháp tu-tập quan-trọng nhất là phương-pháp quán-sát. Quán-sát ở đây tức là quán-sát những định-lý vò-thường vò-ngã của cuộc đời, rồi thông qua những cái ấy, người ta lại quán-sát và khai-triền những tánh-chất chân-thật, thường-trú và thanh-tịnh của tự-tâm. Nói một cách khác, người tu-tập theo Zen tức là người phủ-dịnh cải-tạo những vò-thường vò-ngã, những hư-nhụy tội-ác của thân-tâm thế-sự để xây-dựng một xã-hội đạo-lý, lấy tự-tánh thanh-tịnh thường-trú làm gốc. Người tu thuyền tin-tưởng rằng: mọi người đều sẵn có tự-tánh thanh-tịnh-tâm, vì thế nếu cố-gắng chuyên-niệm hành-trí thì người nào cũng có thể đoạn-trừ các phiền-não cầu-uế để thề-nhập vào tự-tánh thanh-tịnh-

tâm nầy như các đức Phật. Và muốn thể tết-nhiên cần phải chuyên-cần quán-sát, tu-tập theo phương-pháp thuyên-dịnh.

Ở đây chúng ta nên nhớ thêm rằng: Zen là một phương-pháp tu-tập quán-sát đưa con người vào những vấn-dề sâu-kín nội-tại của thân-thân-tâm. Các nhà tôn giáo-học thường nói: « Nếu không có tôn-giáo thì xã-hội nhân-loại nầy sẽ biến thành một xã-hội của các loài động-vật » thi ở đây chúng ta cũng có thể nói thêm rằng: nếu không có Zen (phương-pháp tu-tập quán-sát của Phật-giáo) thi con người không làm sao hiểu được những vô-thường vô-ngã, hư-nhụy tội-ác của nhơn-sanh, và cũng không làm sao thể nhập được những chơn-thường bất-biến của tự-tánh thanh-tịnh-tâm được. Vì thế muốn chuyên-dòi cuộc đời, muốn cải-tạo thân-tâm nầy trở thành thanh-tịnh, cũng như muốn nâng giá-trị của đời người theo với nghĩa tối linh ư vạn-vật thi con người cần phải sống một đời sống hợp-lý hợp-tình, một đời sống lấy Phật-giáo và Zen làm bốn-chất.

Nhưng trong Phật-giáo thường có chia ra làm hai là tự-lực và tha-lực. Tha-lực nghĩa là nương vào quyền-năng siêu-việt của một người khác để được giải-thoát giác-ngộ. Phái Tịnh-dò-tôn với chủ trương « đời nghiệp vãng sanh » (2) có thể đại diện cho chủ trương tha lực nầy. Còn tự lực tức là tự cõ gắng tu tập, tự đem năng lực của mình để tự giải thoát giác ngộ lấy mình. Phái Zen với chủ trương « Vô sự đốn ngộ » (3) là chỉ cho chủ trương tự lực nầy. Người đã thật hành theo phương pháp tự lực nầy là đức Phật Thích-Ca. Ngài là người đầu tiên đã dùng năng lực

(2) Đời-nghiệp vãng-sanh tức là dù còn nghiệp chướng tội báo nhưng nhờ oai-lực của Phật nên vẫn được vãng-sanh. Theo Tịnh-dò-tôn thi trong các hạng người được vãng-sanh có chia làm nhiều loại như Thượng-phàm, Trung-phàm, Hạ-phàm, Đời-nghiệp, Bất-dời-nghiệp v.v... Đời-nghiệp vãng-sanh tức là chỉ cho hạng người suốt đời không tín-kính Tam-bảo, tạo nhiều ác-nghiệp; tuy vậy khi sắp lâm chung người ấy hồi tâm hướng-dạo, chí thành niêm đến danh hiệu đức Phật A-Dì-Đà, nên nhờ nguyện-lực của Ngài mà được vãng-sanh. mặc dù các nghiệp-chướng tội báo chưa trừ sạch.

của mình để tự giải thoát. Ngài đã dạy cho các hàng đệ tử rằng: « Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi. Hãy tự giải thoát lấy mình ». Vì thế phương pháp tu tập của Phật giáo nhất là của phái Zen là chú trọng đặc biệt nơi phương pháp tự lực, bằng cách tự kỷ phản tỉnh lấy mình. Nhưng trong khi dùng tự lực để tự giác ngộ, dùng tự lực để tự phản tỉnh, phái Zen thường dạy cho người hành giả quán sát theo 3 tiêu diêm dưới đây:

1) *Thời gian*: Thời gian tức là căn cứ vào các sự vô thường, lưu động, biến chuyển của cuộc đời mà quán sát. Theo quan niệm của Phật giáo thì cuộc đời là « chư hạnh vô thường, vạn pháp lưu động ». Vì chư hạnh vô-thường nên con người không một lúc nào không xê dịch chuyển biến; vì vạn pháp lưu động nên không có một pháp nào đứng yên cả. Sự tồn tại của nhân sanh vũ trụ cũng giống như một giòng nước chảy mạnh, mới trôi qua giòng như đứng yên một chỗ, nhưng kỳ thật trong đó giọt này qua giọt khác, thay đổi từng nháy mắt. Đời người cũng thế, phút trước còn phút sau mắt không làm sao biết trước được. Nói một cách khác, quán sát theo thời gian để thấy rõ sự vô thường biến dịch của cuộc đời để phát tâm đồng mãnh tinh tấn, tu hành quán sát cho đến chỗ thấu đạt được chơn tâm thường trú của mọi loài chúng sanh.

2) *Không gian*: Về không gian, Phật giáo trình bày cho chúng ta thấy đạo lý « nhân duyên sở sanh, hỗ tương y tốn ». Vì nhân duyên sở sanh nên không một pháp nào là thật có; vì hỗ tương y tốn nên vạn sự vạn vật đều tương quan hỗ trợ với nhau, không có một vật nào có thể độc lập tồn tại được. Dựa vào phương pháp quán sát theo nghĩa không gian này, Phật giáo khuyên mọi người hành đạo phải biết tri ân và đền tạ công ơn của xã-hội loài

(3) « Vô sự dỗng-ngộ » tức là không nhờ có Thầy chỉ giáo, tự mình dùng sức mình trí minh mà tu hành để trực ngộ vào tự-tánh thanh-tịnh-tâm của mình. Đức Phật Thích-Ca khi từ-giả các giới ngoại-đạo để đến dưới gốc cây Bồ-đề tham-thuyền nhập định, dỗng-ngộ được tự tâm giác-ngộ được muôn pháp, tức là ý nghĩa của chữ « Vô sự dỗng-ngộ » này.

người, bằng cách đóng góp phần mình vào trong việc kiến tạo một xã hội an toàn hạnh phúc chung. Nói một cách khác, quán sát theo thời gian tức là dựa vào những vô thường biến chuyển của cuộc đời để kích phát chí nguyện tự độ tự giác, và quán sát theo không gian tức là dựa vào định lý tương quan tương duyên của vũ trụ nhân sanh để đào luyện chí nguyện lợi tha.

3) *Tự kỷ*: Tự kỷ ở đây tức là chỉ cho cá thể hiện thật, cấu tạo bởi thời gian và không gian. Vì tự kỷ là một sự tượng kết hợp và cấu tạo bởi thời gian không gian, nên nó cũng vô thường biến đổi, nương tựa vào các nhân duyên khác mà thành. Vì thế Phật giáo không bao giờ thừa nhận có cá thể thường còn và độc lập, hay nói khác đi, chủ trương của Phật giáo là « Chư pháp vô ngã ». Vì vô ngã nên không có cá thể cố định, không nên chấp trước mê vọng, và cũng vì vô ngã nên có thể chuyển đổi tự kỷ tư dục tội ác này thành một tự kỷ thanh tịnh và giải thoát. Phương pháp và mục đích của Zen là ở điểm này. Cũng vì thế nên phương pháp quán sát của Zen là làm cho hành giả hiểu rõ: nhân sanh là vô thường (thời gian) vạn pháp là duyên khởi (không gian) để phát nguyện tu hành theo hạnh tự giác giác tha, giác hạnh viên-mẫn. Nói một cách khác, mục đích của Zen là làm cho con người thấu triệt được tự kỷ bồn hữu, chứng ngộ bản tánh thanh tịnh tâm của mình.

Như chúng ta đã rõ: Phật giáo có chia làm 2: Đại-Thừa và Tiểu-Thừa, Tiểu-thừa là thiên về phương pháp tự lợi, còn Đại-thừa là trọng ở tinh thần lợi tha. Căn bản của giáo lý Đại-thừa này là thuyết « không vô ngã » của kinh Bát-nhã (4) thuyết « Vô tận duyên khởi » của kinh Hoa-

(4) Kinh Bát-Nhã là bộ kinh lớn trong Đại-tạng kinh điển của Phật-giáo. Bộ kinh này gồm có 600 quyển, chia thành Đại-phẩm Bát-nhã, Tiểu-phẩm Bát-nhã, Kim-cang Bát-nhã v.v. Lý-thuyết cốt-cán của bộ kinh này là lý thuyết « Không Vô Ngã ».

Nghiêm (5) và thuyết « Phật tánh » của kinh Niết-bàn (6) Đạo lý « không vô ngã » của kinh Bát-nhã là chủ trọng khai thị cho hành giả hiểu: vạn sự vạn vật là vô thường vô ngã, không có cá thể chân thật. Đạo lý « Vô tận duyên khởi » của kinh Hoa-Nghiêm là khai thị cho hành giả hiểu: « Vạn sự vạn vật là nhân duyên sanh khởi, tương y tương duyên với nhau mà thành. Rồi đến đạo-lý « Phật tánh » của kinh Niết-bàn là khai thị cho hành giả hiểu: mọi loài chúng sanh đều có tự tánh thanh tịnh tâm; tự tánh thanh tịnh tâm này là bản lai diện mục, là Phật tánh bồn cự của chúng sanh.

Dựa vào các đạo lý của 3 bộ kinh trên, chúng ta thấy chủ trương của Phật-giáo tuy có nhiều, nhưng cũng không ngoài 3 phương pháp quán sát theo thời gian, không gian và tự kỷ đã trình bày trên. Cho nên chúng ta có thể nói rằng: Zen là một phương pháp tu tập quán sát gồm thâu tất cả tinh ba của Đại-thừa Phật-giáo vậy.

Ở đây chúng ta cần hiểu thêm rằng: Phật-giáo ngoài sự khác biệt của Đại-thừa và Tiểu-thừa, còn có một sự khác biệt nữa, đó là sự khác biệt giữa Giáo và Thuyền. Giáo tức là giáo-lý kinh điển của Phật-giáo; Thuyền tức là Thuyền-tôn, phương-pháp tu hành đối ngộ trực chứng của Phật-giáo. Những người tu học theo Giáo thường hay dựa vào một kinh-diễn của Phật-giáo, rồi ngày đêm chuyên trì đọc tụng, xem kinh-diễn văn tự là vật tuyệt đối, có quyền-uy siêu-việt. Thật ra mà nói thì mục đích của Phật-giáo là đào luyện nhân cách, cải tạo xã-hội, cứu độ chúng sanh và giải thoát mọi sự phiền

(5) Kinh Hoa-Nghiêm có chia làm 2 thứ: một thứ gồm 60 quyển và một thứ gồm 80 quyển. Nội-dung của toàn bộ có chia nhiều phần như phần Thập-dịa-phàm, Nhập-pháp-giới-phàm v.v. Chủ-dịch của bộ kinh Hoa-Nghiêm là thuyết đạo-lý « Vô tận duyên khởi », « Tương-tức tương-ly », « Vô-ngai pháp-giới » v.v...

(6) Kinh Niết-Bàn cũng có 2 loại: một loại gồm có 36 quyển và một loại gồm có 40 quyển, nhưng về nội dung thì cả 2 loại đều hoàn toàn giống nhau. Chủ-dịch của kinh Niết-bàn này là thuyết minh đạo lý « Phật-tánh », tức là thuyết tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh, đều có khả năng thành Phật ».

não chấp trước. Kinh diền của Phật-giáo chỉ là phương tiện để giải thích và hướng dẫn mọi người thực hiện mục đích ấy mà thôi, chứ không có một ý nghĩa tuyệt đối nào cả. Vì thế người tu hành phải dựa vào kinh diền, rồi phải xa lìa kinh diền để đạt đến mục đích ấy. Trong kinh diền Phật-giáo thường ví dụ kinh diền là « ngón tay để chỉ mặt trăng », hay « lưỡi để bắt cá » là chỉ cho ý nghĩa này.

Phái Zen thường nương vào đạo lý này nên không bao giờ chủ trương chấp trước một cái gì, dù là chấp trước vào văn tự của kinh diền. Câu « bắt lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền » là chỉ cho chủ trương này của Zen. Phái Zen không chấp trước vào văn tự kinh diền đã dành, mà còn cố gắng làm sống dậy các văn tự kinh-diền, bằng cách áp dụng nó vào trong đời sống thực tế. Phương pháp áp dụng ở đây là thật hành theo những phương pháp truyền quán để nhận thức được những vô thường vô ngã, hư nguy tội ác của cuộc đời, và cũng để thề-hội vào trong tự tánh thanh-tịnh-tâm, tức là Phật-tâm chơn tánh của mọi loài chúng sanh. Muốn được tất nhiên cần phải phát nguyện tinh-tấn, cần phải thực hành Zen trong đời sống hằng ngày. Câu « Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng » tức là câu thoại đầu được người tu học theo phái Zen thường nhắc nhở tu tập hằng ngày.

Ở Nhật - Bản người đã tinh tấn hành trì theo Zen và đã thể hiện Zen vào trong đời sống thực tế là ngài Đạo-Nguyên (7) Thuyền-su. Trong bộ « Chánh-pháp Nhẫn-tạng » Ngài đã dạy đệ tử rằng: « Muốn bảo ân tổ-sư thì phải ngày đêm tinh tấn hành trì theo pháp tọa Thuyền ». Nhưng cũng nên nhớ rằng: tọa thuyền ở đây không những chỉ có nghĩa ngồi yên lặng ở một nơi thanh vắng để trầm-tư mặc tưởng mà thôi, trái lại, người ta có thể tọa thuyền trong tất cả những lúc đi đứng nằm ngồi ở nơi tất cả các chỗ. Trong phái Zen thường nói, « Bình thường tâm

(7) Xem lại bài « Zen của Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-su » trong Liên-Hoa Nguyệt-san, số tháng 6 năm Tân-Sửu.

thị đạo», vì thế khi nào tâm không phân biệt chấp trước, ý không tham dục vọng động, tức khi ấy là tọa thiền, là tam muội rồi. Trong kinh của Phật-giáo cũng thường nói: « Phật pháp, bất ly thế gian pháp », vì thế chỗ nào cũng là Phật pháp, ở lúc nào cũng có thể ngộ đạo được. Ngày xưa, có nhiều vị Thuyền-sư đã ngộ đạo trong những lúc chấp lao phục dịch như mót cùi, hái rau, gánh nước cho Đại-chung, và cũng có nhiều vị đã ngộ đạo khi nghe tiếng đá rơi vào bụi tre, khi thấy bóng bà già chiếu dưới nước, khi nghe chuông chùa vang dội trong đêm khuya v.v... những vị Thuyền-sư ấy mới thật là những người đã đạt đến đạo lý: Zen tức là tất cả, Zen ở trong đời sống thực tế và Zen là ở trong tự tâm của mọi người.

Nhưng đó là nói đến những người có căn tính phi phàm, có hành động siêu nhiên của những bậc xuất thế, còn chúng ta là những người thường, vì thế muốn đạt được những kết quả tốt đẹp, cần phải áp dụng Zen trong đời sống thực tế. Theo Bác-sĩ Reiho Masunaga, một học giả danh tiếng của phái Zen ở Nhật thường khuyên những người tu tập theo Zen hằng ngày phải quán sát thật hành theo 10 điều khoản dưới đây:

- 1) Cần chọn những bậc Thầy sáng suốt để họ học thiền pháp và hấp thụ những nhân cách đạo đức của vị ấy.
- 2) Cần phải không chấp trước vào nơi ngữ ngôn văn tự, mà phải ứng dụng Zen trong đời sống thực tế hằng ngày.
- 3) Cần phải tin tưởng một cách chắc chắn rằng: bất cứ một người nào bần lai cũng đều có Phật tánh và có thể thành Phật được cả.
- 4) không những chỉ tu tập Zen trong những lúc tọa thiền, mà cần phải thật-hành Zen trong sanh hoạt và trong tất cả những lúc di đứng nằm ngồi.
- 5) không khởi tâm chấp-trước tham đắm một cái gì, dù cái đó là cảnh sở-chứng do công-phu thiền-dịnh mà được.
- 6) — Gạt ra ngoài những phân-biệt chấp trước như

có không, khõ vui, sanh-tử Niết-bàn, chúng-sanh, Phật v.v..

7) Ngày ngày phải nhớ tưởng đến công-ơн của xã-hội chúng sanh để cõ gắng tu-hành, tìm cách dền trả.

8) Bất cứ một việc lành nào dù nhỏ-nhặt dến đâu cũng không bỏ qua.

9) Ngày ngày phải chuyên niệm tinh-tấn hành-tri theo Phật-pháp và theo Zen, không bao giờ trễ-nải.

10) Phải sẵn sàng hy-sinh mọi việc để phụng sự Tam bảo, bảo-hộ chánh-pháp và cứu độ chúng-sanh.

Nếu người tu hành hăng ngày chuyên tâm nhất niệm thật hành theo các điều khoản trên, thật hành cho đến chõ thành thói quen, thành tập-quán; thật hành cho đến lúc thật hành mà không biết mình đang thật hành, không thấy pháp đang thật hành, tức là đạt đến chữ «vô» của Zen. «Vô» ở đây tức là không nhơn không pháp không minh không người, không mê vọng chấp trước, không cho đến cả cái không nřa. Đó tức là bình đẳng tâm, là trung-dạo đệ nhất nghĩa đế, và cũng là Phật tánh thường-trú của mọi loài chúng-sanh. Khi thể hiện được đạo-lý «không» này tức là trực nhận được bǎn lai diện-mục, chứng nhập vào tự tánh thanh-tịnh-tâm. Thật hành được như thế mới đạt được kết quả cứu kinh của Zen, đồng thời cũng đã nâng cao địa-vị con người lên ngang hàng với các vị Thánh-nhơn, Phật và Bồ-Tát vậy.

(Hết tập nhất)

THÍCH THIỀN ÂN

Xin mời đến, hoặc viết thư về:

NHÀ KINH PHẬT

LIỄU QUÁN

4A, đường Phan-Bội-Châu — Huế

đè thỉnh Kinh — Luật — Luận Phật-giáo và Tạp-chí
Phật-giáo: LIÊN-HOA và TỬ-QUANG...

BƯỚC ĐI

GÓI Pháp - Hữu THIỀN - ĂN

Một đêm trên bãi biển
Ai đi, bước lẩn tinh
Ánh sáng xanh dùn dùn
Mà sao thấy rợn mình?

Dấu chân in mãi cát
Người đi vướng tròng theo
Cuộc đời là sa mạc
Biển đời thuyền nhỏ neo

Thế kỷ ngoài nhìn lại
Thì gian cố di mau
Đăm đờng vừa khuất nèo
Không ngưng bước bên nhau

Vũ trụ chìm bóng tối
Mùa xuân đợi bình minh
Kiếp người qua muôn lối
U buồn nghiệp hiện sinh
Biển đời gáo, thét mãi
Chân người đứng sao yên?
Hoa đời dâng muôn xír
Trăng lòng vừa hiện lên

Gió mang niềm thao thức
Muôn đời ai chịu dây?
Thỗi phảng di buồn bức
Chân cứng giữa trời mây
Tâm linh cần hé mở
Bồ đề sê ngát hương
Hoa lòng thơm khi nô
Soi bước đi trên đường.

HUYỀN-KHÔNG

THU'A SU' CÔ

Liên - Tâm

— *Đã thưa cô!*

— *Üa đầu năm, con đi chùa sớm quá nhỉ? Sao, có điều gì mà
đôi mắt có vẻ ngạc nhiên! Lại có điều chi thắc mắc đây chăng?*

— *Cô tài quá. Cô nhìn rõ tận tâm can của con..*

— *Đã biết mà! Gặp con là gặp thắc mắc, thắc mắc cho đến cả
ngày đầu năm! Rõ ràng con sẽ thắc mắc đến trọn đời... Đời càng éo le,
hắn nhiên thắc mắc càng nhiều.*

— *Thưa cô, thắc mắc có tội tình chi không đối với tuổi trẻ
của chúng con?*

*Một chuỗi cười hiền hậu. Sau đó một chút im lặng, Cô nử-sinh
có vẻ lóng túng, đôi mắt hốt hồn. Câu hỏi đặt không đúng lúc chăng?
Thắc mắc đối với một «tôn giáo» có bị liệt vào hạng «kém đức tin»
không? Ngại ngùng, Thanh — tên nử-sinh — liếc nhanh Sư cô có
vẻ hốt hồn.*

— *Con có biết vị đệ tử cuối cùng của đức Phật Thích-Ca là
ai không?*

— *Thưa Cô, là một ông già 80 tuổi tên Tu-Bát Đà-la, thuộc
phái Bà-la-môn đã xin quy y Phật vì lời dạy rộng rãi: « Người dùng
tin theo ai cả, cho đến cả ta. Người chỉ nên theo lý trí của người.
Cái gì hợp với lẽ phải, không hại mình hại người thì người theo ».*

*Lại một chuỗi cười dài, thanh thoát, thoát mòn. Nử sinh thêm
ngạc, đôi má ửng hồng vì thích.*

— *Con giỏi lắm. Đến với Đạo chưa bao lâu mà con đã biết lịch sử*

Ngài một cách thấu đáo. Đức Phật mà còn bảo «dàng tin ta» huống chi là cô. Bảo như thế để hàng đệ tử đừng ỷ lại, đừng nhầm mắt tin cản, tin bậy, tin hảo, tin huyền... Tin như thế là...

— Thưa cô «mê tín»?

— Ủ, mê tín. Phải tin bằng lý trí. Mà trước khi tin, phải..

— Nghi ngờ?

— Thế đó con ạ. Nghi ngờ, thắc mắc... Có như thế mới xót đoán, tìm hiểu, so sánh chánh, tà. Đức Phật căn dặn với hàng đệ tử: «Tin ta mà không hiểu ta là...

— Phản bội ta, là báng ta...»

— Nếu con biết thế, thì những thắc mắc của con lại là những yếu tố cần thiết để giữ vững đức tin. Cô khuyến khích con điều ấy.. Thôi bấy giờ, con nhập để đi, chúng ta đã quá dài dòng đi rồi.

— Thưa cô, sáng nay con lên chùa Linh-mụ, con thấy họ xám xít đánh lě ông Di-Lặc ghê quá. Cái ông to bụng mà cười hoài, con không có cảm tình chút nào! Con tưởng nhà chùa đem ra «chưng cho đẹp» thôi chứ, ai lại đi lạy cái ông mà miệng cười toé hoét với cái bụng phệ, với điều ngồi không đúng «tác phong Phật giáo» chút nào! Con định vào hỏi Ông, thì Ông bạn quá nhiều khách, nên con phóng xe về đây

— Đề vân nạn cô?

— Dạ mô, con đau đớn.

— Đề thắc mắc?

— Dạ không, đề tìm hiểu.

— Cái ông bụng phệ ấy là đức Phật tương lai của con đó!

— Đức Phật tương lai?

— Thế thì con không thường tụng «Nam mô dương lai hạ sanh

Di-Lặc tôn Phật» đãy à! Hôm nay chính là ngày via của Ngài nứa đãy — Út ngày mồng một tết, ngày hoan-hỷ.

— May quá. Con đến gặp lúc, chắc cũng là nhân duyên gì đây, phải không thưa cô? Cô mừng con năm mới với lịch sử của Ngài thì hay quá, hơn cả bánh mứt và hơn cả những lời chúc tụng.

— Cô đồng ý với con, chứ cô chẳng có gì đái con mà cô cũng chẳng muốn dùng lời lẽ xâ giao thường tình.. Ngài họ A-Dật-Đa (Adjita), tên Di-Lặc (Maitrya). Khi người ta đặt tên cho con, cha mẹ nào lại không muốn gửi gắm vào đó ít nhiều ước muôn, ít nhiều hy vọng? Đây cũng thế, Di-Lặc có nghĩa là Tù-Thị, lòng thương rộng lớn. A-Dật-Đa là vô-năng-thắng, hạnh tu của Ngài không có ai bì sánh kịp. Trong một tiền kiếp, Ngài cùng với đức Thích-Ca đồng thời phát tâm tu hành. Nghiệt vì ngài thua đức Thích-Ca hạnh tinh tấn, nên đức Thích-Ca thành Phật trước mà đức Di-Lặc thì sau này mới chứng đạo-quả tại hội Long-Hoa...

— Long Hoa, cái tên hay quá! Long Hoa là gì thế hỡ cô!

— Long Hoa là một cây đại thụ tại thành Kê-dầu, một quốc giới của tương lai. Cây này — theo kinh Di Lặc Hạ sinh — thì cao đến một do-tuần (Yojana — 9.000m) nơi mà đức Di-Lặc ngồi thuyết định.

— Cao hơn ngọn núi È-vor-rét nứa! Cây như thế thì người như thế nào?

— Khi ấy, người ta sống rất lâu đến 8 vạn 4 nghìn năm. Nếu gặp nhân duyên con sống vào thời đó thì vào khoảng 500 tuổi, Thanh của cô mới đi lấy chồng! Cô không nói dừa đâu, nếu Chánh báo (con người) mà như thế thì Y-báo (cây cối, đất đai v.v...) như cây Long Hoa là thường lầm chớ!

— Thưa Cô, thế là đức Di Lặc thành đạo Vô thượng tại gốc cây Long Hoa như đức Phật Thích Ca tại gốc Bồ Đề. Ngài tu pháp gì thế hỡ cô?

— Ngài chuyên chú vào pháp Duy Thức, một pháp môn rất cao siêu của Phật giáo mà Thượng Tọa Mật Nguyễn đã trích dẫn vào

Liên-Hoa số 1 Nhâm dần. Con gắng mà theo dõi, chỗ nào khó hiểu sẽ nhờ T. T. dạy cho. Sau khi thành Đạo, Ngài mở hội Long Hoa thuyết pháp và hóa độ vô số đệ tử.

Thanh im lặng. Đôi mắt xa vời Sư cố cõng lặng thinh, không muốn phá tan giờ phút suy tư. Bỗng nhiên Thanh quay lại, như tinh một con mè:

— Thưa Cô, hiện tại đức Di Lặc ở đâu?

— Ở tại cung trời Đầu Suất con a và cũng đang hành đạo ta đó. Ngài cũng đã một lần hiện thân đến cõi Ta Bà này...

Thanh tròn xoé đôi mắt, há hốc miệng trong thài độ ngạc nhiên.

— Ngài đã hiện thân đến cõi Ta bà này?

— Phải. Ngài hiện thân làm một vị Hòa thượng tại đất Minh Châu, huyện Phụng hóa, tên Khê-Thử. Mình Ngài to lớn, lánh lanh hoan hỷ, nói năng khác thường, bắt cứ chỗ nào ngủ nghỉ cũng được cả. Ngài thường quảy một cái dây bangle vải đi khát thực, đem dỗ ăn vě nuôi trẻ con trong vùng. Người ta gọi là Bồ-dài Hòa thượng. Nết không có một bài kệ của Ngài trước khi tịch thì chẳng ai biết đó là hóa thân của đức Di Lặc.

— Cô cho con chép lại bài kệ ấy.

— * *Di Lặc thiêt là ta*

Phân thân như hăng sa,

Thường hiện làm thường dân

Mất phàm không thấy ta...»

— Như thế thì thưa Cô, chắc chắn Ngài còn hiện ra nhiều thài khác nữa mà mắt phàm của chúng ta không thể thấy được. Và tượng trên chùa Linh Mụ, con thấy na ná như Ngài Bồ-Đà Hòa thượng...

— Ủ, có nơi người thêm 6 con nít bu quanh Ngài, đúra thì vuô môi, đúra thì béo tai, đúra thì ngoáy lỗ rún-mà Ngài vẫn vui vẻ, tươ cười lự tại.. 6 đúra ấy, là tượng trưng cho lục tặc!

— À ha ! tam bành lục tặc là danh từ Phật giáo ? tam bành là gì, lục tặc là gì thế cô ! Con nghe người ta nói đến luôn.

— Tam bành là « tham, sân, si » mà lục tặc là 6 tên giặc của sáu thắc : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu cửa sổ của 6 giác quan ấy deo dắt phá rầy con người hoài, nhưng vì Ngài tu phép duy thức nên 6 tên giặc ấy không quấy rầy gì được...

— Hèn gì mà miêng Ngài cười luôn, nhìn lên mặt Ngài, từ cắp mắt đến nụ cười, đều hiện ra vẻ hoan hỷ...

— Cho nên nhớ đến Ngài, là nhớ đến hạnh hoan hỷ, luôn luôn từ tại không bị hoản cảnh chung quanh chí phổi...

— Hơn lúc nào hết, hạnh « hỷ xả » cần phải được đề cao, được xiền minh. Con nhìn xem, từ gia đình đến xã hội, cả một sự đồ vở hoặc nồ tung, hoặc ngầm đang diễn ra vì hận thù, vì ganh tỵ. Có người đã bảo rằng gia đình là một nhà tù, xã hội là một nấm mồ, người khác là địa ngục... một xã hội như thế chắc hẳn chẳng an vui gì phải không con ? Trên mặt của con người, những nét nhăn sờm hiện ra, tóc bạc trước tuổi, mong sống thu ngắn lại. Nếu ai ai cũng áp dụng hạnh hỷ xả — vui vẻ xả bỏ mọi phiền não — thì người càng thêm thọ, các con không cần tô son điểm phấn mà vẫn cứ tươi, cứ vui, và hận thù cũng được cởi mở. Quả thật là « thản được » mà cô tin chắc nếu dùng nó, con sẽ kết duyên với Ngài để sau này được vào hội Long Hoa...

Mắt Thanh bừng sáng một niềm tin :

— Thưa Cô, làm thế nào để được Ngài giáo hóa và gặp được Ngài ?

— Không khó lắm đâu. Con thi hành đúng lời dạy này của đức Thích-Ca là được ! « Thiện nem từ thiện nãy r好人緣. Muốn được trông thấy đức Phật Di Lặc, trông thấy những chúng Thanh-vân trong ba hội, trông thấy thành Kê-Đầu thì nên tinh tấn tu tập không được lười biếng trễ nải và nên cúng dường, thừa sự các vị Pháp sư, hoa

hương, mọi thứ cung đường, dừng đê có sự sơ suất».. Nếu con cố gắng thì có gì là không được đâu!

Thanh đứng dậy, lảng xăng lùm cái nón; mặt tươi như hoa:

— Chắc con còn sẽ là một tên lục lặc đến quấy rầy cô, nhưng con biết rằng cô sẽ hoan hỷ... Biết đâu Sư cô là hiện thân của Di-Lặc! A-Di-Đà-Phật — Kinh chào Sư-cô.

— Con đi đâu bây giờ?

Nhưng Thanh đã bước ra cửa, nhẹ nhàng lên ngựa sắt, trực chỉ chùa Linh-Mụ... Sư-cô nhìn theo, nụ cười rộng mở chẳng kém gì Di-Lặc Tứ-Tôn!

Nhân ngày lễ Phật đầu năm.

Vườn Thiền

Nhật lảng huyền son bừng lối cát
Bàng hoàng vàng mai gợn đục ba
Bánh xe luân-lạc giờ hư hoại
Ngõ sáng cung Thiền mồi ướp mi

THI-VŨ

BẠO LỰC

Thich Tri-Chon dịch

NGÀY nay, nhiều người còn tin tưởng bạo lực như một phương tiện để giải quyết hữu hiệu những cuộc tranh chấp giữa mọi cá nhân và đoàn thể. Sống là tham muối, và khi lòng tham của người này xúc phạm đến lòng tham của kẻ khác, thế là cuộc xung đột xẩy ra. Trong các xã hội tinh chúc hoàn hảo những cuộc tranh chấp như thế, thường được giải quyết bởi sự thỏa thuận giữa đôi bên, hoặc do sự phân giải vô tư của các cơ quan hữu quyền. Nhưng ngay ở những xã hội văn minh đó thỉnh thoảng vẫn có nhiều vụ xung đột không thể giảng hòa, và những phần tử tranh chấp, vì quá tức giận không nhịn

nhau được nên phải nhờ đến sự xét xử, quyết định của tòa án. Lúc đó, nếu không có ai kịp thời can gián, thi con người sẽ không ngại dùng vũ lực để thanh toán nhau, chẳng khác gì loài thú vật. Cho nên khi hai quốc gia dùng chiến tranh để giải quyết những mâu thuẫn quyền lợi, cũng giống như hai mảnh thù cắn dành nhau vì một con mồi.

Người sáng suốt, xem những hành động nóng nỗi ấy là điều vô ý thức và buồn cười, vì những kẻ dùng đến bạo lực, không tránh khỏi tự mình chuốc lấy thảm họa. Tin-tưởng vào bạo lực, nhất định sẽ dẫn mình đi vào con đường phá sản, diệt vong. Ngoại trừ đau khổ, bạo lực luôn luôn không

đem lại một kẽm quả tốt đẹp nào. Dùng bạo lực sẽ không giải quyết được việc gì, chỉ khiến cho vấn đề càng rắc rối thêm. Chiến tranh không bao giờ chấm dứt được mọi tranh chấp hiện tại, nó chỉ gieo mầm đâm làm phát khởi những cuộc chiến tranh tương lai mà thôi.

Nguồn gốc của bạo lực là Tham Sân Si.

Bởi thế, bất cứ hành động bạo lực nào, cũng chỉ làm tăng trưởng cho ba độc tánh đó, như người khờ dại cào xé vào một ụng thư đang bị lở lói. Và lâu ngày, bệnh nhơm sẽ di vào đường tự diệt. Nhiều kẻ điên cuồng, t胡ng dùng chính sách bạo tàn áp bức, giết chóc thiên hạ, là họ có thể đạt được sự chiến thắng lâu bền. Nhưng lịch sử đã luôn luôn chứng minh rằng, trong sự xung đột giữa loài người, xưa cũng như nay, không có cuộc chiến thắng nào là vĩnh cửu, không có sự trả đũa nào là sau cùng. Cũng

như khi đầy mạnh cái quả lắc đồng hồ về bên này, người ta đợi nghĩ không bao giờ có sự đưa lui về bên kia của quả lắc đó. Bạo lực gây nên hận thù, và thù hận lại phát sinh ra bạo lực. Cứ thế, tiếp tục mãi không ngừng.

Phương pháp duy nhất để thắng bạo lực, đó là sự phát triển Tình thương nơi mỗi con người, như đức Phật đã dạy rõ trong kinh Pháp-cú: «Ở thế gian này, không bao giờ hận thù diệt được thù hận. Chỉ có từ bi mới diệt được hận thù. Đó là định luật của ngàn xưa.»

(Hatred never pacifies hatred in this world, only through loving-kindness it comes to an end. This is the primordial law. — dhammapada).

(Trích dịch ở tập The International Buddhist News forum)

Linh-Mụ, 25 tháng Chạp

Tân-Siêu (2505)

Gà o thét

Nguyễn-Thái

LOÀI người vốn không làm được mùa Xuân. Bởi loài người đã quên một tiếng gào thét. Lẽ đương nhiên không phải tiếng gào thét dấu vật, tranh dành.

Đây là tiếng gào thét cho Chân-lý và Công bằng, tiếng gào thét của Tình thương.

Mùa đông qua dài trong mưa gió và lạnh lùng. Dài trong một nỗi bàng hoàng, u ám. Miền mưa như trút, đất bở nhầy bùn, ngóng trông hoài chẳng thấy ráo, áo hờ bàng hơi người, tay làm không kịp đói. Miền tuyết rơi giá đóng, cây buôn trại đen điu, biu quạnh trải lên đường mất lối.

Nhưng một ngày chẳng hiểu vì đâu, đầu cảnh ướm nụ, lục nhoi réo nắng về. Nước mưa vào lòng suối. Tuyết giá tan như ảo hoa. Rồi kẽ tục những cảnh đèn mướt lục, lá xép chiếm lại không gian bị cướp, hoa gầy nhụy, nhụy gầy hương...

Quyết không phải là sự ngẫu nhiên. Bởi bó là niềm khát khao gào thét. Tiếng gào thét rất mực hoan hòa.

Mây xám giăng dày, tuyết ướp giá thân đất. Lâu rồi, chẳng chịu được nữa, phải cắt đi bằng cái rùng minh vươn vai. Cái vươn vai của những chùm lá, cái rùng minh bằng những thân chim và sự đứng lên của nhụa dậy hoa mầu.

Rần rật khắp nơi, tiếng gào thét không bằng tiếng rống

mà bằng sự hòa hợp sắc màu và âm tiết. Đồng cỏ lục lan dài lên mặt cát. Loài biết bay muôn hót. Loài trong nước thích lượn. Loài chân đi vui vầy. Vinh hiển thay cho sự thành công linh diệu! Sự thành công của một niềm Xuân.

Con người không làm được mùa Xuân ấy. Bởi con người đã quên tiếng gào thét hoan hòa cho Chân-lý và Công bằng.

Chỉ loài cây đau dưới tầng đất lạnh mới biết chồi mình. Trốn nấp dưới mái nhà quá ấm, dưới sự ù lý của một cơn mộng tưởng, vô tình con người đã tự giam hãm mình vào hủ dù to lớn đến thế nào. Và như thế không cần chồi dậy nữa.

Bởi không ai chồi dậy nên sự dữ vẫn hoành hành tác hại. Lắc đầu làm ngơ hay ngậm ngùi ấm ức, chẳng qua chỉ là hình dáng của một sự sợ hãi quy hàng.

Mang một lòng Tin, như thân mang trái tim. Không chống chọi tắt thời còn sống sót.

Truyền Pháp thượng không giống mang dòng biều ngữ, mà chính phải đặt Pháp thượng vào lòng rồi đi khắp nhân gian.

Nói cho thực, chúng ta đang qua một mùa đông trong tâm hồn. Nhựa mầu đã có. Sự chồi dậy còn chờ chúng ta, đem các búp non dần cài trên thân cành khắc khổ. Hoa dấu trong lòng đất sâu, đợi cây đơm treo vào nắng nắng.

Sự yên hòa mùa xuân là công trình trời đất.

Sự yên hòa loài người là của chúng ta. Chim một mình dẽ lạc, bay một bầy đến mau. Giờ đây chúng ta như trang hoa kết bởi sợi dây Từ, chẳng còn chi ngăn cách, chẳng còn chi chia sẻ, chẳng sức gì vui dập được. Nhưng chúng ta còn thiếu một tiếng gào thét trước mùa đông u ám của tâm hồn nhân loại. Một tiếng gào thét hoan hòa! Đem lại lều nghèo xa tiếng cười và bát cơm; đem lại cho vườn hoang giàn hoa lý; đem lại cho trẻ em niềm ân cần, âu yếm; đem lại cho chúng ta sự chung lo thề hệ mà từ bấy nay lơ là, nhọc mệt.

Nhắm mắt nhớ lại những cuộc chiến tranh vừa qua, gần gũi với chúng ta có mười năm trường kỳ kháng chiến. Bài học đó tuy đơn sơ nhưng giá máu quá cao. Nay giờ đang có trận cuồng phong sắp lôi chúng ta vào cuộc viễn lưu vô định. Tôi bỗng xót thương cho những bà mẹ già, những mái nền êm ấm.

Các bậc cao minh giờ đây xa vời như trăng sao. Những người đứng trên thòi nhìn xuống! Kẻ bần hàn ở dưới cất đầu không lên. Chúng ta kêu gào người này với kẻ nọ, chúng ta xin xỏ kẻ nọ với người kia. Song cuộc đời đã không hơn lại còn kém. Thời nào cũng là buổi giao thời, ly loạn. Ấy là vì chưa có sự can-thiệp chân chính của một Tình thương Ý-thức nào.

Con người thề không đội trời chung với kẻ họ thù, nhưng trời trên đầu vẫn chỉ có một. Hận trả dù xong, thù vẫn cứ thù. Chiến tranh có, quyết không phải vì hòa bình, lại càng không phải vì tinh nhân loại. Tôi dám họ vì tôi mến họ? — Không, khi mến tôi sẽ cầm tay họ và cười. Tôi dám họ vì tôi muốn khuyên giải họ? — Không, khi muốn khuyên giải, tôi vỗ vai và nói nhỏ vào tai họ.

Cuộc đời còn bất hảo nên ai ai cũng thấy mình toàn hảo. Và chính đó là mầm mống của binh dao.

Ngày nay con người đánh nhau vì bất đồng giai cấp, cũng như xưa kia tiền nhân đánh nhau vì kẻ thù chẳng chịu tin chung một Thượng - đế hay đạo lý với mình. Nhưng chưa bao giờ con người đánh nhau vì con người cả. Nếu vì con người tất họ sẽ thôi đánh nhau.

Người ta phá bỏ giai cấp này để tạo lập một giai cấp khác. Người ta diệt trừ kẻ gian này để trở thành một kẻ gian khác. Trên con đường máu chẳng có ai trong sạch. Lúc cầm súng giết một nhân mạng, con người đã tự quay súng bắn vào tâm hồn mình mà họ không biết. Họ không có một lý do nào để làm như thế cả, họ đã trái với ngôn từ của họ.

Nhưng phải làm sao? Làm sao trước một tình thế đã
đẩy chúng ta vào lối bí?

— Đừng, sa đà chạy theo sự say mê cuồng nhiệt của
dám dũng. Và từ giã cái sứ mệnh di giết người một cách
vô ý thức kia. Bắt đầu làm lại mọi sự từ đầu.

Sự đó đòi hỏi lòng can đảm và trung kiên gấp hai.
Khó khăn gấp ba và gian khổ gấp mười. Sự đó đòi hỏi
những kẻ chuông Pháp Từ phải rút tâm trong lá dâu, phải
rút mình ra khỏi sự ủ lý triu đè từ mấy nghìn kiếp. Đừng
lên! Rũ bóng tối đứng lên như mặt trời. Đi ra giữa đời
với bàn tay xây dựng tựa con người nguyên thủy bước
giữa hoang sơ.

Hãy chạy đua với Tình Thương trước khi chạy đua
với máy móc. Người ta tưởng đã sáng tạo ra máy móc
đến quên rằng họ đang làm nô-lệ cho máy móc!

Phương Đông phải đứng lên như hình ảnh của mặt
trời. Vinh hiển thay cho kẻ nào mang Pháp tâm trong người!
Bởi họ sẽ không biết khuất phục trước gươm súng hay tà
thuyết nào. Bởi Tình Thương chính là họ.

Người thanh niên can đảm sẽ bắt đầu sự-nghiệp tình
thương từ nơi tối tăm, nghèo hèn nhất. Bởi họ muốn sống
giữa lòng con Người. Họ còn yêu thiên nhiên, trời đất, vì
thể mà họ sẽ bắt đầu từ nơi thôn cùng hẻo lánh. Và bước
chân họ đi sẽ như vết dầu lan trên giấy trắng, chẳng ai
ngăn xó được...

Hãy gào thét lên, một tiếng gào thét của loài hoa chưa
đầy ý-thức!

Mùa đông dù dài nhưng phải tận. Bảo táp dù dữ nhưng
phải dừng. Sống sót chỉ còn có loài người. Xây dựng cũng
chỉ có loài người.

Chút cảm nghĩ đầu năm, dám hỏi ai là bạn đường đây?

Paris mồng 3 Tết Nhâm-Dần — 1962
NGUYỄN-THÁI

MƯỜI HAI NĂM SAU

Cbuyện ngắn

Dương-Cường-Giang

Kính tặng hai chí PHÒ và LỘC

TRÊN lầu ngù, dưới ánh vàng lợt lạt của chiếc đèn chong đêm, một đám học sinh nội trú đang thức thêm để học bài thi. Giờ học tại phòng học không đủ để tụng thuộc những bài sử-địa dài hàng mấy trương tiếng Pháp; lại thêm những tên tinh hạt, tên các vua chúa của các triều đại tận bên trời tây xa xôi cứ lanh quanh, l่าน quần...

Đã khuya, người ta nghe có tiếng lách cách của những chiếc muồng khuấy chạm vào cốc, rồi những tách cà-phê đen bốc hơi được mang ra. Những tách cà-phê bồi thêm sự tinh táo, chống mạnh đôi mí mắt lên và làm dễ thức đến gần sáng.

Có người khuấy luôn những hai ly. Ly thứ hai là để mang đến cho bạn mình. Trong những đôi bạn thức học bài đêm nay, người ta không khỏi chú ý đến Thảo và Phương. Hai người đã thân nhau từ hai năm trước. Hồi đó nhị và đệ tam niên, họ đã cùng năm gần giường nhau,

ngồi bên nhau trong phòng học. Và những lần học bài khuya thế này, hai bạn cùng ấn định thì giờ mà thức dù cho đến cả những đêm trời lạnh không có mạng nào dám ra quấn mền ngồi học như họ...

Thảo là con một nhà thầu khoán ở Đà-lạt, Phương là con một Giáo viên ở Quảng-Nam. Nhà Thảo giàu, Thảo có một bộ « trút-xô » đầy đủ, áo quần may bằng vải tốt. Hằng tháng ba Thảo gửi ra tiền tiêu xài rộng rãi. Gia đình Phương thì nghèo, hằng tháng ngoài tiền cơm tháng, ông Giáo chỉ gửi cho Phương một vài đồng bạc để tiêu vặt. Nhưng giàu nghèo không phải chuyện đáng kể đối với họ. Từ độ quen thân nhau, Thảo giao chìa khóa tư mình cho bạn, chỉ chỗ để tiền, áo quần, sách vở, đồ ăn, để bạn muôn dùng thứ gì thì cứ tự tiện.

Phương rất quý mến lòng tốt của bạn, nhưng không khi nào dụng chạm tới tiền nong của Thảo. Với lại Phương quen lối ăn tiêu cẩn kiêm của gia đình nên tháng nào tiền nhà

gởi ra cũng còn dư hoặc là để mua sách báo hoặc là để gửi sang cho em đang theo học bên trường Khải Định.

Có một năm mới tháng 10 mà trời lạnh lắm. Đắp một lần hai chiếc mền bông, hai người ôm lấy nhau mà vẫn còn rung mình khi nghe tiếng gió đập từng hùn vào cửa kính. Thảo bỗng hỏi nhỏ Phương:

— Chú bé của Phương có áo ấm chưa nhỉ?

— Có, Thảo à, nhưng chiếc áo đan từ năm kia, chắc nay đã chật rồi.

— Thế chúng ta đan áo cho chú bé đi.

Thảo thường gọi em Phương bằng danh hiệu chú bé, vì em Phương, năm ấy học đệ nhị niên trung học nhưng mà tuổi còn non, vóc người bé nhỏ, bé nhỏ đến nỗi khi vào thăm chí ở trường nữ trung học này mà người gác cổng không thèm hỏi đến giấy vào phòng khách.

Mãi không nghe Phương trả lời. Thảo lặp lại:

— Chúng ta đan áo cho chú bé đi.

Rồi tiếp thêm:

— Này nhé, Thảo đan giúp cho một thân áo, Phương đan một thân, rồi chúng ta ráp chung lại thành chiếc áo ấm. Vậy lâu lắm, hai ngày là xong.

Phương cảm động, ôm chặt Thảo:

— Phương cảm ơn Thảo đã nghĩ đến em Phương như chính em mình. Thế thì ngày mai chúng ta bắt đầu. Phương đã mua sắn len rồi và đã đan được các đường viền.

Hai ngày sau chiếc áo pu-lô-vo hoàn tất. Chiếc áo màu xanh nước biển; đan theo mũi bông dâu, đều tay trông đẹp làm sao. Nhưng đẹp hơn hết là áo được dệt bằng tấm tình thân thiết ruột thịt của hai người bạn, của hai người chị.

Cuộc sống thân ái êm ả trôi qua. Tuy nhiên cũng cần nhắc đến đôi lần giận hờn nhau. Nguyên do vì Phương thấy Thảo đi nói chuyện trò với một bạn khác, vì Phương ra trường ngày chủ nhật mà vào trễ... Rồi thì làm lơ, rồi thì không nói chuyện hay là nói cạnh nói khéo, nói xa nói gần nhưng sau cùng, một vài giờ sau hoặc lâu lắm là một ngày sau lại hối hận, lại thô lộ tâm tình qua những giòng nước mắt... kết quả đẽ mà thương nhau hơn.

Càng về sau, những hờn giận trẻ con này không còn nữa. Đến năm đệ tứ niên, Phương và Thảo cùng vào gia đình Phật tử, ngày chủ nhật thường đi chùa Từ-Đàm để nghe Bá-sí L.Đ.T giảng về đạo lý. Sinh hoạt gia đình, giáo lý đạo Phật càng cống thêm mối tình bạn hữu

tưởng chừng như không còn gì có
thể lay chuyển nổi.

Việc học hành trong năm đệ tứ
niên cũng tiến triển khá quan. Thảo
dành nhiều tiền mua và thuê nhiều
bộ sách Pháp, Toán để cả hai cùng
học thêm. Hy vọng của hai người
là được đỗ trong kỳ thi cao đẳng
tiểu học.

Nhưng, trong những tháng hối
hộp của cuối năm, một biến cố đau
lòng đã xảy đến cho một trong hai
người: Cha Thảo mất. Lúc vừa
đọc xong tờ điện tín, Thảo và
Phương cùng khóc bên vai nhau,
làm cho các bạn khác không phân
biệt được là tang tóc đã đến với
người nào. Đêm hôm ấy, cả hai
đều không chợp mắt được một
giây lát. Và đến sáng hôm sau,
Phương xin phép nghỉ học để đưa
Thảo lên tàu về Đà-lạt. Ôi, ngày
chia tay buồn thảm. Ai cũng trông
mong có ngày sẽ gặp lại, nhưng
có biết đâu rằng giờ phút ấy mở
đầu cho thời gian biệt ly dài dằng
dẳng. Lúc ấy là vào tháng tư
năm 1944.



Những ngày đau buồn đã làm
hở bao nhiêu giòng lệ. Thảo từ
sau tang cha, tự cảm thấy trách
nhiệm người chị cả. Tuy gia đình
vẫn còn đủ sức để cung cấp cho
Thảo và các em học hành đến nơi
đến chốn, nhưng Thảo muốn tự

tay gánh vác mọi việc nặng nhọc.
Thảo nghỉ học để xin đi dạy một
trường tiểu học tại Đà-lạt và luôn
tiện coi sóc mấy em nhỏ.

Phương còn tiếp tục học cho
đến kỳ thi năm ấy. Trong thời
gian này, thư từ vẫn trao đổi cho
nhau những lời thương nhớ, những
hẹn hò...

Rồi đến những biến cố chính
trị lớn lao xảy ra trên đất nước,
rồi đến cuộc kháng chiến toàn quốc.
Thôi thế là từ đây hết thư từ
trao đổi. Dẫu cho có cảnh nhận
ngàn phương cũng không thè nào
nhắn gửi được một mảnh tâm tư.
Khỏi lửa chiến tranh đã ngăn cách
hai miền đất nước, lưỡi lê dầu
súng đã cắt đứt tình thân hữu
ruột rà.

Phương đã về Quảng-nam, dạy
một trường tiểu học. Nhưng rồi
chiến tranh lan rộng, trường học
đóng cửa. Học trò theo cha mẹ
tản cư. Cả giáo Phương cũng dọn
dẹp dề về quê chồng ở miền hậu
phương. Mấy năm đầu, Phương
còn sống theo lối sống an nhàn
của một bà điền chủ, trong nhà
có hàng hai ba người ở dề sai
lên sai xuống.

Đến mùa gia đình Phương thâu
lúa gặt có đến hàng nghìn ang.
Trong nhà còn có máy ép mía,
lò nấu đường. Và những ngày cắt

mà thì thợ thay bận rộn mãi đến khuya.

Nhưng rồi, tại vùng kháng chiến, cuộc sinh hoạt càng lúc càng khó khăn. Cuộc sống trên mồ hôi lao động bị công kích kinh liệt, tổn túc phải giảm nhiều cho người dân, các hình thức tổ phụ bị nghiêm cấm. Phương phải đích thân lao động. Phương lấy lại vài đám ruộng gần nhà để canh tác. Mùa cấy, nàng cũng gánh má, xắn quần lội xuống ruộng lúc ngúc những đĩa, để cấy lúa như bao nhiêu chị thợ cấy khác. Việc gì cũng « khởi đầu nan » nhưng thời gian sau thì quen dần. Phương không còn thấy chóng mặt, không bị « cú đờ xô lây » và đã cấy được ngay hàng thẳng lối. Nhiều người tấm tắc khen : « Cô giáo mà cấy đều tay hơn bọn tui rồi đó ».

Những ngày thông thả, dư dật, vắng xa lán và bồng dáng những ngày gian khổ thì như đứng ngay ở đầu cửa. Vợ chồng Phương bây giờ ăn riêng, con cái đông thêm. Lúa lại bị mất liên tiếp luôn ba mùa. Phải nghỉ xoay xở bằng mọi cách.

Phương tự tay tráng bánh tráng săn dè đem ra chợ để mua cho bạn hàng. Công khó cả một ngày, phơi phong rồi gánh ra chợ từ sáng sớm mà lời chi dù mua một ngày chợ cho gia đình. Ấy thế

mà đã thấy mừng là lùng. Cái mảnh bằng C.Đ.T.H., với các kiến trúc hàm sô, đồng dạng..., đem ra cạnh tranh trong cuộc sống hiện tại thật kém thua xa những kinh nghiệm hòa bột, nướng bánh tráng cho khói cháy.

Lâu lắm mới gặp lại một bạn học cũ. Thôi thì việc làm gì cũng gác lại mà nói chuyện cho « đã đời », nhắc lại những kỷ niệm xưa ở trường, lật giờ từng trang « album » mà nhớ lại bạn bè thân thiết. Những lúc ấy các hình ảnh thân mến của Thảo lần trở lại trong tâm trí Phương. Ôi! Chỉ dè mà càng nhớ nhau thêm, chỉ dè càng thêm trông chờ đến cái ngày non nước thái bình, hai bên gặp gỡ.

Trong những năm ấy thì Thảo sống ở đô thành trong vùng Pháp kiểm soát. Thảo vẫn cứ tiếp tục cuộc đời « gò đầu trẻ » để góp thêm sức với mẹ đưa dẵn các em mình học hành đến nơi đến chốn. Thảo thấy thích cái nghề này, không phải thích vì cái ý nghĩa, mục đích cao đẹp của nó mà thích vì nó đứng ngoài chính trị. Thảo nghĩ rằng: Đã không đóng góp phần tích cực kháng chiến thì hãy không tham dự vào công việc của thực dân, hãy ngồi chờ cái ngày độc lập vậy. Ý nghĩ ấy không hẳn đã đúng nhưng đã làm cho Thảo hành diện

tự phân biệt mình với hàng người
nhúng tay vào máu, vào tội lỗi.

Thảo thường nhắc đến đứa em
trai mình. Em nàng đã nhập bộ
đội kháng chiến và lên đường
từ 1945. Lâu lâu mới nghe
được tin rằng em nàng còn sống
và đang hoạt động mạnh mẽ.
Nhưng vào đầu năm 1950 thì
Thảo được tin em nàng đã hy
sinh. Ôi ! Không còn gì buồn hơn
nữa ! Năm ấy, người em gái kề
Thảo đã ra trường và vào làm việc
tại bệnh viện. Thảo thấy có em
trông coi giúp việc nhà nên xin
phép gia đình sang Pháp để được
gần gũi chồng đang theo học hai
năm rồi ở bên ấy. Thảo cũng còn
muốn đi thật xa như thế để có thể
khuây được mối buồn hiện tại.

Trên đất nước người, Thảo đã
làm quen với nhiều gia đình nông
dân ở ngoại ô. Thảo kề cho họ
nghe về những việc làm của người
Pháp tại Việt-Nam, những hứa hẹn
“ có tiếng mà không có miếng ” của
các nhà cầm quyền. Có bà mẹ ở
Pháp đã buồn rầu nhớ lại những
ngày bị quân Đức dò hộ và đã than
thở trước mặt Thảo về những hành
động không tốt ấy mà người Pháp
đã làm đối với đồng bào Thảo.
Thảo được các bà mến chuộng và
giúp đỡ. Có lần họ mời Thảo đến
dự với họ những tiệc vui, chụp

chung ảnh với gia đình họ để kỷ
niệm. Tuồng như các cử chỉ ấy
có ý để chuộc các lỗi lầm mà chính
con cái, bà con họ đã gây ra cho
đồng bào Việt-Nam.

Chồng Thảo đã tốt nghiệp và
đã làm ở Ba-Lê. Cuộc sống cũng
không mấy thư thả nhưng họ không
dám nghĩ đến ngày trở về đất
nước vì sợ phải bị động viên. Thư
tử từ Pháp gửi về cũng như từ
bên nước nhà gửi qua đều có chung
một tâm trạng : ước mong ngày
đoàn tụ. Mà ngày ấy phải là ngày
chiến tranh chấm dứt. Thế nên cái
tháng bảy năm 1954 là một tháng
hối hận. Thảo đọc báo để luôn
luôn theo dõi hội nghị ở Gio-neo.
Và cái tin đinh chiến loan ra hồi
1 giờ đêm ngày 20 là một tin mừng
vô hạn. Tuồng như rằng ngày độc
lập, ngày giải phóng dân tộc đã
đến nơi rồi !

Hai vợ chồng Thảo lo sắp đặt
hồi hương . . . Như là làm lại cả
cuộc đời. Ai ngờ được sự biến
chuyển của đất nước đã ảnh hưởng
đến đời sống của người công dân
đến như thế ! và cái ngày lên tàu
trở về là một ngày khó quên.
Những bà cụ, những bà chị, những
bạn bè người Pháp đã tiễn ra tận
bến tàu, ôm nhau rơm rớm nước
mắt. Phải chăng sự thân mến,
thông cảm nhau ở đây là một sự

phi nhò vào lòng lèng dạ thú của bọn thực dân, vạch trần cái luận điệu xảo trá của bọn đầu cơ chính trị!



Mười năm qua, mười năm khói lửa vô cùng kinh hãi. Hòa bình lập lại. Sự sinh hoạt giờ đây trở nên dễ dàng. Đồng lũy đã triệt hạ. Các nhịp cầu nối liền hai bờ sông. Đường giao thông chạy suốt từ Trung vào Nam.

Người ta di thăm nhau cho bỏ những ngày xa cách. Các xe hành khách đông chật. Người ta chắt lên nhau như mắm, bu cả phía sau xe, và đầu vào nhau khi xe nhảy vồng lên qua những khúc đường mới sửa lại. Thế mà ai cũng thấy thú vị. Vừa mới qua những ngày gian khổ thì cái vui con con cũng đáng giá nghìn vàng. Hơn nữa, khi ở đầu xa kia người ta thấy hình ảnh của những người thân yêu đang chờ đón thì đôi trả ngại hiện tại nào có ai sá gì.

Trong bầu không khí rạo rực ấy, Phương làm sao mà ngồi yên được. Nàng dàn xếp việc nhà, cuốc bộ xuôi g đường quốc lộ rồi đón xe đi Huế. Gần mười năm trời tối nay mới thấy lại thành phố của sông Hương núi Ngự. Xe chạy qua cầu An-cựu, đến Mo-rin rồi qua cầu Tràng-tiền. Trên kia, dò qua

Thừa-phủ vẫn còn đưa khách và trường Đồng-khánh thân yêu của Phương năm xưa vẫn còn duyên dáng sau đám cây xanh.

Phương bỗng thấy xao xuyến, trông mong gặp lại bà con, gặp lại bạn cũ. Phương ước rằng sẽ không bao giờ xa cách đây một thời gian lâu dài nữa. Nhưng Phương chỉ ở lại Huế có hai ngày, vừa đủ để nhớ một vài bạn quen xin cho bồ dung một chân giáo-viên ở tỉnh mình. Phương thấy chán ngay cái ồn ào, cái ăn chơi của đô thành và thấy nhớ cảnh đồng xanh, cái áo cụt trắng. Cho hay, những năm khói lửa đã làm cho Phương trở thành một người giản dị, một "mụ nhà quê".

Khai giảng năm 1954, Phương đi dạy. Cuộc đời mới cũng khá an nhàn. Lương tháng của Phương độ vài ngàn mà ăn tiêu đủ cả nhà. Ngoài thi giờ ở trường, Phương thường dẫn các con đi chùa. Vì Hòa-thượng đã giảng cho Phương nghe về giáo lý và kè cho các con Phương nghe những mẩu chuyện đạo mà chúng rất ưa thích. Không biết làm sao mà Phương thông cảm với lời thầy dạy bảo rất mau. Hay là cái gian khò, cái cảnh đời biến loạn của những năm qua đã đưa Phương đi gần đến với giáo pháp hơn trước?

Những sự hiểu biết ấy, Phương ghi chép lại theo giòng suy tư của mình có khi xây dựng viết thành chuyện

ngắn vào những ngày rảnh, Phương đọc lại đề nhờ Hòa-thượng thầm xét. Hòa-thượng khuyên khích Phương rất nhiều và bảo Phương gởi về Tòa-soạn Liên-Hoa ở Huế.

Rồi một hôm kia, Phương nhận được tập báo cùng với một bức thư khá dài của Tòa-soạn. Phương được thầy phụ trách Tòa soạn phê bình, chỉ dẫn rất nhiều, và lúc cầm tờ báo lên mới hỏi hộp làm sao! Bài của Phương đã được đăng và Phương đang đọc bài của chính mình. Vừa sung sướng vừa lo ngại, cộng thêm một chút kiêu hùng trẻ con.

Hai năm hòa bình, Phương làm việc trong vui thích. Và đến hè 1956 dành dụm được một số tiền Phương đi Saigon. Một giáo viên phụ động bốn con, lương một tháng vài ngàn thì đầu dám đi Saigon để du lịch. Chuyến đi này có chủ đích hẳn hòi: đó là vận động xin vào ngạch. Số lương tháng giờ đây Phương cảm thấy không kham dù cho cái gia đình dần dà bắt chước theo nếp sống sinh hoạt mới.



Ở Saigon, Phương nhờ một vài người bà con và bạn cũ xếp đặt công việc xong xuôi. Và điều vui mừng nhất là Phương biết được tin tức Thảo. Hẹn nhau đến chiều sẽ cùng tới nhà Thảo. Nhưng trưa hôm

ấy, khi Phương vào nhà bưu điện để đánh tin về nhà thì Phương gặp ngay Thảo. Hãy tưởng tượng hai người sung sướng đến độ nào! Họ ôm nhau mừng rỡ. Rồi cả hai cùng di bộ về nhà Thảo. Trên đường, cả thành phố Saigon náo nhiệt, ồn ào, gần như chìm mất dưới sự rộn rịp của tấp lòng.

Đã đến nhà Thảo rồi. May con Thảo chạy ra đón mẹ, được Phương bế lên hôn từng đứa, thằng Lili, con Titi. Thảo bảo chúng gọi Phương bằngdì và đứa nào cũng mến ngay vì Phương mà chúng thấy hết sức thân thiết với mẹ chúng.

Trong bữa ăn, câu chuyện qua lại chiếm hết phần lớn thì giờ. May đứa cháu được gấp bỏ đồ ăn đầy chén và đứng dậy một cách no nê. Titi đã leo lên giường ngủ rồi mà Phương và Thảo còn cùnghồi ở bàn ăn. Bữa cơm xem ra khó bề chấm dứt nếu không có chồng Thảo đi làm về.

Sau vài câu giới thiệu ngắn ngủi, Thảo dắt Phương lên buồng ngủ và câu chuyện lại nối lại. Mà cũng phải, mười hai năm trời, và là mười hai năm đầy biến cố thì biết bao nhiêu là điều phải nói, biết bao nhiêu điều phải lắng tai nghe. Chuyện gia đình, chuyện tư riêng, chuyện làm ăn... đau thương có, vui mừng có; mà phần lớn lại

là đau thương cho nên có chuyện
nhắc lại vẫn còn làm cả hai người
đều chảy nước mắt. Sau những
lúc bùi ngùi ấy, người ta thường
im lặng để suy tư. Sự suy tư giúp
họ hệ thống lại một số trường hợp
tương đồng mà rút ra những kết
luận gần như là những câu triết lý :

— Phương nhì ! Vui hay buồn,
sướng hay khổ là ở tại tâm mình.
Cũng một trường hợp mà mình
thọ nhận vui vẻ thì sẽ không thấy
buồn khổ, trái lại nếu mình cho
là mình bị bắt buộc phải chịu thì
làm gì có sướng vui !

— Trời sinh voi thì sinh eò !
Hoàn cảnh dù eo nghiệt đến thế
nào cũng khắc phục được.

— Ở cái cuộc sống ăn diện này,
mình cứ ngó xuống kê thấp kém
hơn mình là tự khắc bằng lòng
ngay. Hơn nhau đâu có ở bề ngoài.

— Vạn vật là vô thường. Ai
mượn mình muốn cầm giữ những
cái không chắc chắn, những chiếc
bong bóng. Mất công toil mà làm
chảy nước mắt vô ích.

Vì cho mãi đến chiều chuyện vẫn
mới thưa dần. Thảo ngắt đứt bằng
một câu khôi hài :

— Thôi nhé, tự mình đã sống
nhiều, rồi Phương thấy không? Ba
bốn con, hơn ba mươi tuổi đầu. Đòi
hỏi gì nữa mà!

Rồi lấy giọng đứng đắn, Thảo
bảo :

— Bây giờ chúng ta hãy đi chùa
lạy Phật tham gia Phật sự để tìm
cách kềm giữ ước vọng ghê gớm
của con người! và góp ít nhiều lợi
ích cho đồng loại.

Hai người cùng siết tay thông
cảm và vui vẻ sắp đặt một cuộc di
phổ. Thảo muôn mua một số quà
để tặng các con Phương. Chọn lựa
thú gì mà chúng thích đây? Hai
bà mẹ lại phải sống lại cái tuổi bé
con của mình mà thảo luận. Mua cái
áo dài cho con Lập, con Nga. Thảo
bắt Phương ta hình dáng nó, so sánh
với con mình, ước đoán kích thước
để tự tay mà chọn.

Gặp được Thảo, Phương ở lại
Sài-gòn thêm một ngày nữa. Thế mà
chuyện vẫn cứ sốt dẻo tưởng như
không bao giờ can với được.

Chuyện nhà chuyện cửa, chuyện
chồng con, rồi hai người bắt sang
chuyện chiến tranh. Người ta nhắc
lại những trận đánh tàn khốc, những
cuộc khủng bố dầm máu. Bom đạn
chuyên đất, khói lửa đầy trời gây
ra bao đau thương. Nhưng chính
là sau những cơn tàn phá ồ ạt ấy,
đau thương lại lắng đọng sâu xa hơn,
âm thầm mà vô cùng bi đát. Ông oán
thù khắc sâu thêm vào lòng của những
người cùng chung một đất nước,
khô đau chất dồn lên những mái
đầu xanh chưa từng gây ra cho ai
một tội tình gì. Lại thêm có những

kẻ lợi dụng cơ hội dè mà vor vét của cải đồng bào, vu oan giả họa mà lập công. Đau thương dã dòn đậm, thế mà còn bị khơi sâu thêm bằng những lời tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu lẫn nhau dè mà quảng cáo cho chiêu bài giả trá của mình hòng mê hoặc đồng bào, lôi kéo quần chúng...

Câu chuyện đến đây không còn hứng thú nữa. Cả hai cùng thở dài. Chính trị cực đoan, chính trị không chân chính chỉ có phá hoại tình cảm tốt đẹp của con người. Ai lại đi ngăn cách lòng yêu thương! Ai lại đi về với những xấu xa dè ghen sự thù hằn, ghét bỏ nhau!

Bỗng Thảo chỉ đến một chồng sách, bảo Phương với một giọng hết sức trang trọng:

— Đây, cuộc sống tinh thần của mình, Phương ạ!

Những tập sách dày đóng bìa cứng, gáy màu đỏ viền vàng. Phương cầm lên một tập, ngắm nghía, lòng hơi xao xuyến, tay run run mở trang bìa:

— À! Nguyệt-san Liên-Hoa. Thế nào, Thảo ở miền Nam mà cũng đọc Liên-Hoa của miền Trung?

— Không có Nam với Trung phân biệt. Phương ạ. Không những Thảo thích đọc mà Thảo còn thấy ở Liên-Hoa, con đường tu tập thành người cho Thảo nữa.

Phương nín thính vì xúc động. Tại

sao giữa hai người lại có một sự đồng tâm như thế này! Thảo bấy giờ, nắm lấy tập nguyệt-san trên tay Phương, lật từng số, chỉ vào trang mục lục mà bảo cho Phương biết những bài mình thích nhất.

— Ngày nào này nhé, bài này nhé!...

Phương không thể né tránh xúc động được nữa. Những bài mà Thảo thích chính là những bài mà Phương viết. Phương ôm chầm lấy Thảo, vui mừng đến rơi nước mắt:

— Thảo ơi! Có khi nào chúng ta tưởng tượng được rằng chúng ta không cảm nhau đến mức này không? Mười hai năm trời xa nhau nhưng trong tâm tư chúng ta vẫn nhớ nhau, và gần nhau như những ngày nào ở Đồng-Khánh. Còn hơn thế nữa! Giờ đây, đời sống Đạo càng kết chặt chúng ta.

Khi biết được rằng những bài mình thích chính là những bài Thảo viết, bấy giờ đến lượt Thảo ôm lấy cô Phương vui thích như những ngày còn đang đi học. Giây lâu, Thảo nói với Phương:

— Phương ạ! Có những người cố tạo hàng rào dè ngăn cách con người. Đó là những phường buôn bán lương tâm. Nhưng với lẽ Đạo, chúng ta là một. Dù phải xa ngàn dặm, tâm chúng ta nhất định sẽ cùng hòa chung một nhịp rung cảm.

Hè 1956

*Bí thư của Hòa-thượng Chuyển-Tôn Hội-trưởng Hội-Phật - Giáo Việt-Nam tại Trung-Phân gửi
Toàn Hội nhân dịp Tết Nguyên-Đán Nhâm-Dần*

Kính quý vị Thượng-Tọa, Giảng-sư, Trú-trì.

Cùng các cấp Trí-Sự và toàn thể Hội-hữu.

Cùng các Huynh-Trưởng và các cháu Đoàn-viên G.Đ.P.T.

Một năm nữa đã qua. Đổi với thời gian vô tận thì 360 ngày chỉ là một hột cát giữa bãi sa-mạc, nhưng đổi với kiếp sống — một năm — cũng không phải ngắn ngủi gì !

*Một ngày qua đi
Mang sống giảm bớt
Như cá ít nước
Có vui sướng gì ?*

Người Phật-tử phải quan niệm như thế để tranh thủ thời gian trong công cuộc nỗ lực tu tập, nỗ lực phục vụ Chánh-pháp — mà một năm qua — chúng ta đã chịu đựng quá nhiều gian lao, thử thách. Trước thềm năm mới, kiềm điềm lại quá khứ, Tôi đặc biệt tán dương tinh thần hy sinh, dũng cảm của toàn thể quý vị, các hội hữu và toàn thể đoàn viên G.Đ.P.T.

Cùng với lời tán dương trong dịp Tết Nguyên-Đán này, Tôi gởi đến toàn thể quý vị, Hội-hữu và các cháu, lời cầu nguyện thiết tha nhất của Tôi, cầu nguyện Tam-Bảo gia hộ cho toàn thể quý vị thân tâm an lạc, các hội-hữu và các cháu vững tâm vững chí, trung kiên trên con đường mà đức Thế-Tôn đã vạch cho chúng ta.

Trong cảnh rực rỡ xinh tươi của vạn vật vũ trụ, giữa sự rộn ràng hoan hỷ của lòng người trước năm mới, toàn thể quý vị Hội-hữu và các cháu nhận nơi đây lời cầu chúc thân mến và chân thành của Tôi và Tông-Trí-Sự.

NAM MÔ ĐƯƠNG-LAI DI-LẠC TÔN PHẬT

TIN TRONG NƯỚC

Lớp giảng ở chùa Án-quang và Xá - Lợi. Sài-gòn. Lớp giảng sớm mai chủ nhật và chiều chủ nhật tại chùa Xá-lợi và Án-quang sẽ tạm nghỉ từ 16 tháng Chạp đến 15 tháng Giêng năm Nhâm-dần. Sẽ khai giảng trở lại vào ngày chủ nhật 14 tháng Giêng năm Nhâm-Dần (18-2-62).

Giảng các nơi trong dịp lễ Phật thành Đạo. — Ban Hoằng-pháp Phật-giáo N.V. đã phái quý vị Giảng-sư phụ trách giảng ở Trà-ôn, Ba-xuyên, Mỹ-tho, Phước-long, Bà-rá, Cấp, Biên-hòa và ở nhiều trung tâm cải huấn. Các thời giảng đều gây cho thính giả hiểu sâu thêm triết lý Phật-dà và mạnh tiến trên đường tu học.

Hoằng pháp lưu động các tỉnh. — Sẽ có nhiều đoàn Hoằng-pháp lưu động đi các tỉnh N.V. bắt đầu từ 16 tháng Giêng đến 16 tháng 2 Nhâm-dần; nếu Chi-hội Phật-học hay các chùa muốn thỉnh giảng phải gửi thư về ban Hoằng-pháp trước Tết để sắp chương trình du hóa. Ngày giờ thuyết pháp sẽ công bố sau.

Tiêu đoàn súng cối Ba-xuyên. — Ngày mùng 8 tháng Chạp Tân-sửu tại chùa Phật-học Ba-xuyên có làm lễ truyền tam-quy ngũ-giới cho Sĩ-quan, Hạ-sĩ-quan và Quân-nhân Tiêu-doàn Súng-Cối Ba-xuyên và có giảng một thời do Đại-đức Giảng-sư T. Thiền-Định phụ trách. Thời giảng rất kết quả và đem lại niềm tin tưởng vững chắc cho anh em binh-sĩ đối với đức Phật cũng như với giáo lý cứu thế của Ngài.

Hoằng-pháp các tỉnh Trung-phần. — Vừa rồi T.T. Trưởng ban Hoằng-pháp Trung-phần đã thảo luận

với T.T. Trưởng ban Hoằng-pháp N.V. đề cử một phái đoàn Giảng-sư. 10 vị cùng một xe dụng cụ amplie, micro, magnétophone máy chiếu phim v.v...) hiệp cùng phái đoàn Giảng-sư T.P. diễn giảng công cộng khắp các tỉnh Trung-nguyên Cao - nguyên Trung - phần từ hạ tuần tháng 2 đến hạ tuần tháng 3 Nhâm - dần. .T.T.G.H.N.V

Cứu trợ nạn lụt miền Tây Nam-Phần. — Thè theo lời kêu gọi của Hòa-thượng Hội-trưởng Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần về việc cứu trợ, nạn lụt miền tây Nam-phần, các Tinh-hội sau đây đã đóng góp vai công cuộc cứu trợ ấy:

Quảng-trị :	3.000 \$
Thừa-thiên :	19.664 \$
Quảng-nam :	10.000 \$
Ninh-thuận :	3000 \$ (kè cả giáo-su và học-sinh trường Bồ - đề)
Gia-dinh Phật-tử Bình-thuận :	: 13.000 \$
Daclac :	7.640 \$ (và 33 gói áo quần, 433 cái lê)
Tuyên-đức :	43.065 \$ (kè cả Gia-dinh Phật-tử).

Còn một số Tinh-hội khác chưa tường trình và, một số khác đã hợp tác với cơ-quan chính quyền trong công cuộc cứu trợ.

Đại-hội-dồng Tinh-hội Phật-giáo Thừa-thiên. — Tinh-hội Phật-giáo Thừa-thiên đã nhóm Đại-hội đồng lần thứ 30 vào chiều thứ bảy 17 và ngày chủ nhật 18-2-62. Trên 450 đại-biều đại-diện cho gần (250 Khuôn-hội) đã về dự Đại-hội đồng này. Hòa-thượng Pháp-chủ đã đến chứng minh trong lễ khai mạc hội nghị. Ngoài việc kiêm diễm Phật sự năm qua, đặt đề án công công tác

cho năm mới, Đại-hội bầu xong một Ban-Trị-sự mới.

Tòng Hội-đồng Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần. Tòng Trị-sự đã quyết định Tòng-hội-đồng nǎn nay sẽ họp vào những ngày 6, 7 và 8 tháng 2 âm-lịch (tức 11, 12 và 13-3-62). Ngoài 3 đại-biều của mỗi Tinh-hội, Tòng Trị-sự còn mời quý vị giảng-sư, Trú-trì về thảo luận Phật-sư và góp ý kiến vào đề án công tác năm mới để phù hợp với tình hình chung.

TIN THẾ GIỚI

Tượng Quán - Thế - Âm ở Đông - Kinh. — Nhà triệu-phú Nhật-bản, ông Vũ Tả-Mỹ, gần đây xuất ra một số tiền là 25 vạn mỹ-kim, kiến tạo một tượng Quán-Thế-Âm bằng cement cốt sắt, tại làng Tiên-Điệp, cao 185 thước, trên một ngọn đồi cách mặt biển 400 thước. Tượng Quán-Thế-Âm này phía trong trống rồng có thang có thềm leo lên đến vai Ngài để xem phong cảnh, trên điện Ngài có bắc một ngọn đèn sáng đến một vạn watt, dùng cho tàu bè để phân dược phương hướng về đêm.

Tượng này vừa mới khánh-thành, mệnh danh là « Đông - Kinh loan Quán-Thế-Âm ».

Truyền Giáo-sí Cơ - Đốc-Giáo người Anh quay về Phật-Giáo. — Tin London, ba vị Hòa-Thượng người Âu, Tỳ-kheo Dhammadiko, Vimala, và sa-môn Sramaneura mangala vừa rời khỏi London để sang Miến-Điện nghiên cứu Phật-giáo và thực hành thuyền-quán. Ở Miến-Điện hội Phật-Đà Khánh-giáo đã sắp đặt cho ba vị này một chương trình học tập đầy đủ là 5 năm và đã thỉnh các vị cao Tăng chuyên trách chỉ dạy, hầu sau ngày học tập xong các vị này có thể trở về nguyên quán hoằng dương Phật-pháp.

Tỳ - kheo Dhammadiko và Vimala nguyên là hai anh em đẻ sinh đôi, quốc tịch Đức, trước tiên nghiên cứu Triết-học Ấn-dệ, rồi từ đó đổi với Phật-giáo dần dần phát sinh hứng thú. Sau đó, hai anh em này được Tăng-doàn nghiên cứu ở London mời tham-gia, đến 1957 mới chính-thức xuất-gia thọ giới Sa-di cúng vào tháng 7 năm ấy. Hai vị này sang Thái-Lan thọ giới Tỳ-kheo.

Riêng về Sa-môn Mangala là một truyền giáo-sí Cơ - đốc - giáo người Anh ở tại Tây-ban-Nha sau ngày nước này bị nội chiến, ông trở về Anh quốc. Trước kia giáo-sí đã từng học tại Đại-học-đường Cambridge, và tốt nghiệp tại trường này. Đến năm 1960, ông mời thọ giới Sa-môn, tại Luân-miễu tinh xá ở London.

Đài kỷ niệm một vị học giả Phật - giáo. — Chánh-phủ Ấn-Độ đã chấp thuận một dự án xây dựng một đài kỷ niệm Ngài Đường Tam-Tạng nhà học giả và dù Jich Phật-tử Trung-hoa đã viếng Ấn-dệ vào thế kỷ thứ bảy trước Thiên-chúa giáng sinh. Đài kỷ niệm này sẽ xây cất tại Nalanda ở xứ Bihar trên một khoảng đất gần 4 mẫu. Đài này sẽ lưu trữ di tích của ngài Tam-Tạng và gồm có một cơ sở chính chung quanh có những vườn với thềm cấp bao bọc theo lối kiến trúc Trung-Hoa.

Tịnh xá cho các lão niên Tỳ-kheo. — Bộ - trưởng văn - hóa Tích-Lan ông Senayake đã làm lễ khánh thành tịnh xá cho các lão niên Tỳ-kheo ở Tích-Lan do Đại-hội Phật-giáo Toàn-quốc Tích-Lan đã xây cất. Mới đầu, ngôi nhà này chỉ chứa 12 Tỳ-kheo mấy lâu đang ở nơi nhà dường lão của chính phủ, và sau này sẽ chứa thêm những Tỳ-kheo lão niên không có chùa riêng.